ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: **CÔNG TÁC XÃ HỘI**
MÃ SỐ : 52760101

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo:

- Tên ngành đào tạo:
  + Tiếng Việt: Công tác xã hội
  + Tiếng Anh: Social work
- Mã số ngành đào tạo: 52760101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
  + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Công tác xã hội
  + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Social work
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Công tác xã hội có mục tiêu chung là đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức rộng về các vấn đề xã hội, có các kĩ năng can thiệp, giải quyết các vấn đề xã hội ở cấp độ cá nhân, nhóm, cộng đồng và toàn xã hội.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có năng lực tư vấn xây dựng các chính sách xã hội đáp ứng các nhu cầu phát triển của đất nước. Đồng thời, cử nhân Công tác xã hội được đào tạo có đầy đủ phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội để thực hành nghề nghiệp trong các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, chính trị, nghề nghiệp và tổ chức có yếu tố nước ngoài góp phần xâydựng Việt Nam giàu mạnh, công bằng, dân chủ, hội nhập và văn minh.

3. Thông tin tuyển sinh

- Hình thức tuyển sinh: Tuyển thẳng, xét tuyển và thi tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Dự kiến quy mô tuyển sinh: Một khóa 80 sinh viên

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1. Hiểu biết và kiến thức cơ sở chung

- Nắm vững các nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam.
- Có kiến thức và kĩ năng cơ bản để giao tiếp tốt bằng một trong bốn ngoại ngữ quan trọng được ĐHQGHN quy định và tổ chức giảng dạy (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Trung).
- Nhận thức tốt về tầm quan trọng của các kiến thức quân sự, thể dục cũng như có các năng lực cơ bản theo yêu cầu huấn luyện của các lính vực này.

1.2. Hiểu biết chung về các lĩnh vực văn hoá, chính trị, kinh tế, xã hội

- Có kiến thức rộng về văn hoá đại cương, về lịch sử của các nền văn minh trên thế giới.
- Nắm vững các kiến thức về Nhà nước và pháp luật đại cương; Có hiểu biết cơ bản về tổ chức của Nhà nước Việt Nam hiện nay, về sự phân chia các ngành luật và một số vấn đề quan trọng nhất của Pháp luật.
- Nắm vững kiến thức về logic học, về các vấn đề môi trường hiện nay gắn với phát triển kinh tế - xã hội.
- Nắm vững các phương pháp thống kê cơ bản, ứng dụng vào việc thu thập và xử lí các thông tin khoa học xã hội.
- Có kiến thức nhập môn về kinh tế học.

1.3. Nắm vững kiến thức cơ bản của các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

- Bước đầu nắm được kiến thức cơ bản liên ngành của các ngành gần như Nhân học đại cương, Dân số học, Tâm lí học xã hội đại cương, Xã hội học, Lịch sử văn hoá Việt Nam.
- Nắm vững các phương pháp nghiên cứu cơ bản của các khoa học thuộc khối ngành, ứng dụng vào việc thu thập và xử lí các thông tin thu thập được (định lượng và định tính) bằng các phần mềm máy tính thịnh hành nhất.

1.4. Kiến thức chung của nhóm ngành

- Nắm vững các kiến thức và phương pháp nghiên cứu cơ bản của các khoa học thuộc nhóm ngành (Xã hội học, Công tác xã hội, Nhân học, Tâm lí học).
- Có kiến thức cơ bản về khoa học phân tích hành vi của con người đặt trong môi trường xã hội.
- Nắm vững các kiến thức về truyền thông và dư luận xã hội.
- Có kiến thức cơ bản về tâm lí học phát triển và tôn giáo đại cương.

1.5. Kiến thức và hiểu biết cơ bản về ngành

- Nắm vững lịch sử hình thành và các lí thuyết kinh điển trong Công tác xã hội: lí thuyết nhu cầu, lí thuyết nhận thức - hành vi, lí thuyết sinh thái, lí thuyết phân tâm…
- Hiểu được tổng nhu cầu và đặc điểm về các nhóm nhu cầu chính trong Công tác xã hội trong bối cảnh Việt Nam hiện nay: số lượng người cần giúp đỡ, bảo trợ, bảo hiểm, an sinh, trợ cấp, trợ giúp, cứu trợ…
- Nắm vững kiến thức cơ bản về các cấp độ can thiệp xã hội: cá nhân, nhóm, cộng đồng và chính sách.
- Nắm vững và ứng dụng các phương pháp định tính và định lượng trong nghiên cứu cơ bản cũng như nghiên cứu can thiệp của Công tác xã hội.
- Có kiến thức nền tảng về các lĩnh vực ứng dụng quan trọng nhất thuộc ngành Công tác xã hội: sức khoẻ tâm thần, người khuyết tật, phụ nữ yếu thế, trẻ em, thanh thiếu

niên yếu thế, tiếp cận dịch vụ y tế, người có công, nạn nhân chiến tranh, cộng đồng nghèo, khu ổ chuột, tội phạm, ma tuý, hành vi lệch chuẩn, lệch lạc xã hội…

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng cứng

2.1.1. Kĩ năng năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện Công tác xã hội

- Biết phát hiện và phân tích một vấn đề xã hội cụ thể cần can thiệp, nhận diện đa chiều một đối tượng xã hội yếu thế.
- Có khả năng giải thích một vấn đề xã hội cơ bản ở cấp độ vi mô: cá nhân, nhóm, cộng đồng và một chính sách xã hội cụ thể.
- Biết đề xuất một kế hoạch can thiệp mang tính khoa học và chuyên nghiệp nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của các đối tượng yếu thế (chữa trị, tham vấn, tư vấn,…).
- Vận dụng tốt kiến thức Công tác xã hội để tiếp cận các đối tượng xã hội yếu thế khác nhau.
- Biết khám phá và kết nối các nguồn lực (tài lực, vật lực và nhân lực) để góp phần can thiệp, giải quyết một vấn đề xã hội.
- Biết biện hộ để bảo vệ quyền lợi cho các đối tượng xã hội.
- Biết vận động. đề xuất, tham gia xây dựng chính sách xã hội đối với các đối tượng yếu thế.

2.1.2. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Biết phát hiện một vấn đề xã hội ở cấp độ cá nhân, nhóm, cộng đồng hay cấp độ chính sách cụ thể để từ đó thiết kế một đề cương nghiên cứu cơ bản hoặc ứng dụng (can thiệp) trong Công tác xã hội và tiến hành nghiên cứu trong phạm vi ấy.
- Biết viết tổng quan về vấn đề nghiên cứu ở tầm vi mô, xác định mục tiêu, lựa chọn đối tượng nghiên cứu hoặc can thiệp, biết đặt câu hỏi nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu can thiệp, biết trình bày khung nghiên cứu cơ bản hoặc khung nghiên cứu can thiệp.
- Biết kết nối các nguồn lực để thực hiện nghiên cứu.
- Biết thao tác hoá một số thuật ngữ, khái niệm, ứng dụng lí thuyết, phân tích, giải thích và biết sử dụng các phát hiện từ nghiên cứu trường hợp để viết báo cáo khoa học (báo cáo thực tập, niên luận và khoá luận). Đặc biệt, biết sử dụng thành thạo các kĩ năng nghiên cứu can thiệp, đặc thù của ngành CTXH.
- Biết trình bày kết quả nghiên cứu hay một kế hoạch can thiệp theo đúng các chuẩn mực quốc tế.
- Biết sử dụng các công nghệ thông tin hỗ trợ trong trình bày kết quả nghiên cứu.
- Biết tìm các nguồn tư liệu có chất lượng phục vụ nghiên cứu: tác giả, tác phẩm, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản và địa điểm của tư liệu cần thiết cho nghiên cứu.
- Biết thiết kế các loại đề cương nghiên cứu chính trong Công tác xã hội: nghiên cứu khám phá, nghiên cứu mô tả, nghiên cứu giải thích và nghiên cứu can thiệp.
- Biết xây dựng mục tiêu nghiên cứu, đối tượng, lựa chọn khách thể, đặt câu hỏi nghiên cứu, biết trình bày các loại giả thuyết, xây dựng khung lí thuyết nghiên cứu cơ bản và xây dựng kế hoạch can thiệp.
- Biết sử dụng các phương pháp nghiên cứu chính trong Công tác xã hội: xây dựng bộ công cụ để nghiên cứu thực nghiệm, phân tích tài liệu (sơ cấp, thứ cấp), phương pháp chọn mẫu, trưng cầu ý kiến, phỏng vấn với bảng hỏi cấu trúc, bảng hỏi bán cấu trúc, điều tra thử, phỏng vấn sâu, quan sát, lựa chọn địa bàn và biết viết lịch sử vấn đề nghiên cứu.

2.1.3. Khả năng tư duy theo hệ thống

- Nắm vững logic trình tự (các bước cơ bản nhất) của một nghiên cứu Công tác xã hội cấp độ cá nhân, nhóm và cộng đồng.
- Có năng lực tư duy và phân tích một vấn đề của cá nhân, nhóm, cộng đồng hay một chính sách xã hội cụ thể từ nhiều góc độ khác nhau theo phương pháp tiếp cận chuyên ngành và liên ngành.
- Nắm vững các phương pháp tiếp cận cơ bản như: phương pháp tiếp cận theo phát triển bền vững, phương pháp tiếp cận theo quan điểm lịch đại, phương pháp tiếp cận theo quan điểm đồng đại… trong quá trình phân tích và giải quyết vấn một vấn đề thuộc lĩnh vực CTXH.

2.1.4. Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn

- Biết vận dụng kiến thức và kĩ năng Công tác xã hội để chữa trị và phục hồi các chức năng xã hội cho các đối tượng yếu thế ở Việt Nam.
- Biết vận dụng kiến thức và kĩ năng Công tác xã hội để phòng ngừa các yếu tố nguy cơ về tệ nạn xã hội, lệch lạc xã hội…
- Biết vận dụng kiến thức và kĩ năng Công tác xã hội để kết nối và phát huy các nguồn lực nhằm phát triển con người, quản lí xã hội một cách hài hoà ở cấp độ cá nhân, tổ chức và xã hội.
- Biết vận dụng kiến thức và kĩ năng Công tác xã hội trong việc tư vấn và phản biện các chính sách xã hội.
- Có năng lực sáng tạo, phát triển và thích ứng cao với môi trường nghề nghiệp luôn luôn biến đổi.
- Những cử nhân tốt nghiệp Công tác xã hội từ loại giỏi trở lên có năng lực tạo dựng một số hoạt động mới trong điều kiện thay đổi nhanh chóng của môi trường việc làm, ví dụ tạo lập một tổ chức phi chính phủ, một doanh nghiệp xã hội…

2.2. Về kĩ năng bổ trợ khác

2.2.1. Kĩ năng làm việc theo nhóm

- Biết xây dựng và thực hiện tinh thần làm việc theo ê-kíp.
- Biết truyền thông trong nhóm, giữa nhóm thuộc tính và tổ chức.
- Biết xử lí một xung đột nhóm.

2.2.2. Quản lí và lãnh đạo

- Bước đầu biết xây dựng chiến lược cho một tổ chức nhỏ (10 – 25 người).
- Biết điều phối quyền lợi, phân công trách nhiệm và tổ chức công việc cho một tổ chức nhỏ.
- Biết nêu và giải quyết vấn đề của một tổ chức nhỏ.

2.2.3. Kĩ năng giao tiếp

- Biết lắng nghe.
- Biết diễn thuyết trước một đám đông.
- Biết đọc nhanh và tổng hợp được các loại hình văn bản.
- Biết viết báo cáo tổng hợp cho một tổ chức nhỏ.
- Thành thạo các hình thức giao tiếp (lời nói, văn bản, mạng internet…) với các đối tượng xã hội khác nhau.

2.2.4. Kĩ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

- Có kiến thức và kĩ năng sử dụng một trong 4 ngoại ngữ theo chương trình chuẩn của ĐHQGHN.

- Nghe và hiểu được các bản tin thông thường trên các phương tiện thông tin đại chúng của nước mà mình học tiếng của họ (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Trung).
- Nói được bằng ngoại ngữ về những chủ đề thường thức.
- Đọc và tóm tắt được một số tài liệu thường thức về một chủ đề của cuộc sống.
- Viết được một bài luận (20 – 30 trang), một bản báo cáo hoặc tóm tắt một chuyến công tác, một cuộc họp.

2.2.5. Các kĩ năng mềm khác

- Theo quy định về đào tạo kĩ năng mềm của ĐHQGHN.
- Biết sử dụng các phần mềm máy tính cơ bản: word, exel, spss.
- Biết làm chủ vị trí lao động của bản thân trong mối liên hệ trực tiếp hay gián tiếp với các vị trí lao động khác.
- Biết nhiều cách để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Biết học tập từ đồng nghiệp và tự học thêm để hoàn thiện bản thân

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Trách nhiệm, đoàn kết, trung thành, tận tuy, có ý thức tổ chức kỉ luật, tự giác trong công việc, trung thực, thẳng thắn, tôn trọng mọi người, phê bình và tự phê bình đúng lúc, đúng chỗ, không bè phái, không xu nịnh…

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy điều đạo đức nghề nghiệp của một nhà nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nói chung, và nhà nghiên cứu và thực hành Công tác xã hội nói riêng.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Việt Nam.
- Tôn trọng và phát huy hệ giá trị của xã hội Việt Nam cũng như các tinh hoa văn hoá của nhân loại.

4. Những vị trí công tác mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Khu vực làm việc: Làm việc tại các cơ sở quản lí Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, Viên nghiên cứu, trường đại học, các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các công ty.
- Cung ứng dịch vụ công tác xã hội tại các cơ sở và tổ chức xã hội (các cơ sở, cơ quan, tổ chức công và tư).
- Làm công tác xã hội chuyên nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau như: sức khoẻ, giáo dục, pháp luật, kinh tế, truyền thông, xã hội, văn hoá, môi trường ... Làm việc trực tiếp tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo có liên quan đến công tác xã hội.
- Chức danh có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp (tùy thuộc vào vị trí công tác: giảng viên, nghiên cứu viên, Công chức, nhân viên xã hội, công tác xã hội viên).

5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Học xong chương trình cử nhân sinh viên có thể học tiếp chương trình cao học, nghiên cứu sinh trong nước hoặc tham gia các chương trình du học sau đại học ở nước ngoài.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo**

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo *(Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-an ninh, kĩ năng bổ trợ)*: **138 tín chỉ, trong đó:**

- **Khối khối kiến thức chung** *(Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kĩ năng bổ trợ)*: : **27 tín chỉ**
- **Khối kiến thức theo lĩnh vực** **26 tín chỉ**
  - + *Bắt buộc* *20 tín chỉ*
  - + *Tự chọn* *6/10 tín chỉ*
- **Khối kiến thức theo khối ngành** **17 tín chỉ**
  - + *Bắt buộc* *12 tín chỉ*
  - + *Tự chọn* *5/12 tín chỉ*
- **Khối kiến thức theo nhóm ngành** **14 tín chỉ**
  - + *Bắt buộc* *9 tín chỉ*
  - + *Tự chọn* *5/10 tín chỉ*
- **Khối kiến thức ngành** **54 tín chỉ**
  - + *Bắt buộc* *35 tín chỉ*
  - + *Tự chọn* *6/19 Tín chỉ*
  - + *Kiến thức thực tập và tốt nghiệp:* 13 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
I		**Khối kiến thức chung** *(Không tính các môn học từ số 9 đến số 11)*	**13**				
1	PHI1004	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 1 (Marxist-Leninist Philosophy 1)	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 2 (Marxist-Leninist Political Economics)	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's ideology)	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Revolution Guidelines of Vietnam Communist Party)	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở (Informatics)	3	17	28		
6	FLF1105 FLF1205 FLF1305 FLF1405	Ngoại ngữ A1 Tiếng Anh A1 Tiếng Nga A1 Tiếng Pháp A1 Tiếng Trung A1 (General foreign language 1)	4	16	40	4	

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
7	FLF1106 FLF1206 FLF1306 FLF1406	Ngoại ngữ A2 Tiếng Anh A2 Tiếng Nga A2 Tiếng Pháp A2 Tiếng Trung A2 (General foreign language 2)	5	20	50	5	FLF1105 FLF1205 FLF1305 FLF1405
8	FLF1107 FLF1207 FLF1307 FLF1407	Ngoại ngữ B1 Tiếng Anh B1 Tiếng Nga B1 Tiếng Pháp B1 Tiếng Trung B1 (General foreign language 3)	5	20	50	5	FLF1106 FLF1206 FLF1306 FLF1406
9		Giáo dục thể chất (Physical Exercise)	4				
10		Giáo dục quốc phòng - an ninh (Education of national defence and security)	8				
11		Kĩ năng bổ trợ (Supporting skills)	3				
II		**Khối kiến thức theo lĩnh vực**	**26**				
II.1		***Các học phần bắt buộc***	***20***				
12	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (Fundamentals of Vietnamese Culture)	3	42	3		
13	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học (Methods and Techniques of sociological research)	3	33	12		
14	PSY1051	Tâm lí học đại cương (General Psycology)	3	30	15		
15	PHI1054	Logic học đại cương (General Logics)	3	30	15		
16	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới (History of World Civilization)	3	42	3		
17	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương (General State and law)	2	20	5	5	PHI1004
18	SOC1051	Xã hội học đại cương (General Sociology)	3	39	6		
II.2		***Các học phần tự chọn***	***6/10***				
19	INE1014	Kinh tế học đại cương (General economics)	2	20	8	2	
20	EVS1001	Môi trường và phát triển (Environment and Development)	2	20	8	2	

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
21	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội (Statistics for Social Sciences)	2	18	6	6	
22	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt (Pratical Vietnamese documents)	2	10	10	10	
23	LIB1050	Nhập môn năng lực thông tin (Introduction to Informative skills)	2				
III		**Khối kiến thức theo khối ngành**	**17**				
III.1		***Các học phần bắt buộc***	***12***				
24	SOW1100	Công tác xã hội đại cương (General Social Work)	3	39	6		
25	ANT1100	Nhân học đại cương (General Anthropology)	3	39	6		
26	PHI1101	Tôn giáo học đại cương (General Religiology)	3	39	6		
27	PSY2023	Tâm lí học xã hội (Social Psycology)	3	30	15		
III.2		***Các học phần tự chọn***	***5/15***				
28	HIS1100	Lịch sử Việt Nam đại cương (General Vietnamese history)	3	42	3		
29	PSY1100	Tâm lí học giao tiếp (Psycology of Communication)	2	30			PSY1051
30	SOW2003	Gia đình học (Family study)	2	26	4		
31	SOW1101	Dân số học đại cương (General Population)	3	39	6		
32	SOC1100	Sử dụng phần mềm xử lí số liệu (Using analytical software)	2	22	8		
IV		**Khối kiến thức theo nhóm ngành**	**14**				
IV.1		***Các học phần bắt buộc***	***9***				
33	PSY1150	Tâm lí học phát triển (Psycology of development)	3	30	15		PSY1051
34	SOW2004	Hành vi con người và môi trường xã hội (Human behavior and the Social environment)	3	39	6		SOW1100
35	SOW1102	Phát triển cộng đồng Community development)	3	30	15		
IV.2		***Các học phần tự chọn***	***5/10***				
36	PSY1151	Tâm lí học sức khỏe (Psycology of health)	2	30			PSY1051

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
37	SOC3024	Chính sách xã hội (Social Policy)	2	26	4		SOC1050
38	SOC3006	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội (Sociology of mass communication and public opinion)	3	39	6		SOC1050
39	SOW3045	Công tác xã hội với người nghèo (Social work with people with poverty)	3	39	6		SOW3032 SOW3033
V		**Khối kiến thức ngành**	**41**				
V.1		***Các học phần bắt buộc***	***35***				
40	SOW3032	Lí thuyết công tác xã hội (Social work theory)	3	39	6		SOW1100
41	SOC3055	Thực hành nghiên cứu xã hội (Practical social reasearch)	2	26	4		SOC1050
42	SOW3033	Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội (Research method for Social Work)	3	39	*6*		SOW1100
43	SOW3034	Công tác xã hội với cá nhân (Social work with individuals)	3	39	6		SOW3032 SOW3033
44	SOW3035	Công tác xã hội với nhóm (Social work with groups)	3	39	6		SOW3032 SOW3033
45	SOW3036	Tham vấn trong công tác xã hội (Couselling in social work)	3	37	8		SOW3032 SOW3033
46	SOW3050	Thực hành công tác xã hội cá nhân (Field Practice: working with individuals)	2	4	26		SOW3034
47	SOW3051	Thực hành công tác xã hội nhóm và cộng đồng (Field Practice: working with groups and communities)	5	10	65		SOW1102 SOW3035
48	SOW3052	An sinh xã hội (Social welfare)	2	26	4		SOW3032 SOW3033
49	SOW3046	Quản trị ngành công tác xã hội (Social work management)	3	39	6		SOW3032 SOW3033
50	SOW3049	Quản lí ca (Case management)	2	26	4		SOW3032 SOW3033
51	SOW3041	Công tác xã hội với người khuyết tật (Social work with people with disability)	2	26	4		SOW3032 SOW3033

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
52	SOW3053	Chăm sóc sức khỏe tâm thần (Mental health care)	2	26	4		SOW3032 SOW3033
V.2		***Các học phần tự chọn***	***6/19***				
53	SOW3043	Công tác xã hội với trẻ em (Social work with children)	3	39	6		SOW3032 SOW3033
54	SOW3022	Công tác xã hội trong trường học (School social work)	2	26	4		SOW3032 SOW3033
55	SOW3047	Công tác xã hội trong bệnh viện (Social work in hospital)	3	39	6		SOW3032 SOW3033
56	SOW3019	Công tác xã hội với người cao tuổi (Social work with elderly)	2	26	4		SOW3032 SOW3033
57	SOW3020	Công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn (Social work with disable behavior)	2	26	4		SOW3032 SOW3033
58	SOW3042	Đạo đức nghề nghiệp (Code of ethics in social work)	2	26	4		SOW3032 SOW3033
59	SOW3040	*Công tác xã hội với nhóm ma túy, mại dâm và HIV* (Social work with people affected by drugs, HIV/AIDS and prostitution groups)	3	39	6		SOW3032 SOW3033
60	SOW3048	Công tác xã hội trong lĩnh vực Bình đẳng giới và Phòng chống bạo lực gia đình (Social work with gender equality, domestic violence prevention)	2	26	4		SOW3032 SOW3033
V.3		**Kiến thức thực tập và tốt nghiệp**	**13**				
61	SOW4057	Kiến tập (Field work)	3	3	42		SOW3032 SOW3033
62	SOW4051	Thực tập tốt nghiệp (Internship)	5	10	65		SOW4057
63	SOW4052	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation thesis)	5	10	65		SOW4051
		Các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp	*5*				
64	SOW4055	Thiết kế nghiên cứu trong công tác xã hội (Research design in social work)	2	26	4		SOW3032 SOW3033
65	SOW4058	Thiết kế can thiệp trong công tác xã hội	3	39	6		SOW3032 SOW3033

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
		(Design of intervention in social work)					
		Tổng cộng	**138**				

*** Ghi chú:** *Học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm TBC học kỳ, điểm TBC các học phần và điểm TBC tích lũy.*

3.Danh mục tài liệu tham khảo (ghi theo số thứ tự trong khung chương trình)

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo
1.	PHI1004 PHI1005	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 1,2	5	**1. Tài liệu bắt buộc:** - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nxb CTQG HN. - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Giáo trình Triết học Mác - Lênin, Nxb CTQG HN. - Đại học Quốc gia Hà Nội (2009) , Đề cương môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (soạn theo học chế tín chỉ) **2. Tài liệu tham khảo:** - V.I. Lênin (2005), "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán", V.I. Lênin toàn tập, tập 18, Nxb CTQG HN, tr.36-233. - V.I. Lênin (2006), "Bút ký triết học", V.I. Lênin toàn tập, tập 29, Nxb CTQG HN, tr.175-195, 199-215; 227-258. - C.Mác (1995), "Luận cương về Phoiơbắc", C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, tập 3, Nxb CTQG HN, tr.9-12. - C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), "Hệ tư tưởng Đức", C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, tập 3, Nxb CTQG HN, tr.19-113. - C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, tập 4, Nxb CTQG HN, tr.595-643. - Ph.Ăngghen (1995) "Biện chứng của tự nhiên", C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, tập 20, Nxb CTQG HN, tr.458-572; 641-658; 681- 754; 755-774; 803-824.
2.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	**1. Tài liệu bắt buộc:** - Đề cương môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh do Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành. - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)*, Nxb. CTQG, Hà Nội. **2. Học liệu tham khảo:** - Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn các giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh

				(2002), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. CTQG, Hà Nội. - Tập trích tác phẩm của Hồ Chí Minh do Bộ môn Khoa học Chính trị, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội biên soạn. - Trần Văn Giàu (1997), *Sự hình thành về cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh,* Nxb. CTQG, Hà Nội. - Võ Nguyên Giáp (2000), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. CTQG, Hà Nội.
3.	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	**1. Tài liệu bắt buộc:** - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009): *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb. CTQG, HN. - Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, PGS. TS. Tô Huy Rứa, GS. TS. Hoàng Chí Bảo, PGS. TS. Trần Khắc Việt, PGS. TS. Lê Ngọc Tòng (Đồng chủ biên): *Quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng từ năm 1986 đến nay*, Nxb. CTQG, H.2009. - Bộ Giáo dục và đào tạo (2007): *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập I, II, III. Nxb. CTQG, Hà Nội. **2. Tài liệu tham khảo:** - Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn sách giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2008*). Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb. CTQG, Hà Nội. - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006): *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (dành cho các trường đại học và cao đẳng), tái bản lần thứ nhất, Nxb. CTQG, HN. - *Chương trình môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản ViệtNam* (ban hành theo Quyết định số 52/2008 ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
4.	INT1004	Tin học cơ sở	3	**1. Tài liệu bắt buộc:** - Bài giảng của giáo viên. - Phạm Hồng Thái, Đào Minh Thư, Lương Việt Nguyên, Dư Phương Hạnh, Nguyễn Việt Tân (2008), Giáo trình thực hành Tin học Cơ sở, NXB Đại học Quốc gia Hà nội. - Đào Kiến Quốc, Bùi Thế Duy (2006), Giáo trình Tin học cơ sở, NXB Đại học Quốc gia Hà nội. - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Openoffice/Writer tại địa chỉ : http://www.coltech.vnu.edu.vn/FreeSoftware/Office tools/OpenOffice-Vi Docs/Writer - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Openoffice/Calc tại địa chỉ : http://www.coltech.vnu.edu.vn/FreeSoftware/Office tools/OpenOffice-Vi-Docs/Calc **2. Tài liệu tham khảo:** - Hoàng Chí Thành (2006), Giáo trình tin học cơ sở, NXB Đại học quốc gia Hà Nội. - Ngô Thị Thảo (2008), Giáo trình tin học cơ sở, NXB Đại học Quốc gia Hà nội.
5.		Tiếng Anh A1	5	**1.Tài liệu bắt buộc:** - Soars, J. & Soars, L. (2000). New headway: English course-Elementary: Students' book. Oxford University Press.

				- Soars, J. & Soars, L. (2000). New headway: English course- Elementary: Workbook. Oxford University Press. - Hutchinson, T. (1999) - Lifelines - Elementary: Workbook. Oxford: Oxford University Press. **2. Học liệu tham khảo:** *- Hutchinson, T. (1999) - Lifelines - Elementary: Students' book (Fourth edition). Oxford: Oxford University Press.* *- Soars, J. & Soars, L. (2000). New headway: English course- Elementary:Teacher's book. Oxford University Press.*
6.		Tiếng Anh A2	7	**1.Tài liệu bắt buộc:** - Soars, J. & Soars, L. (2000). *New headway: English course - Elementary: Students'book.* Oxford University Press. - Soars, J. & Soars, L. (2000). *New headway: English course- Elementary: Workbook.* Oxford University Press. - Soars, J. & Soars, L. (2000). *New headway: English course - Pre Intermediate: Students'book.* Oxford University Press. - Soars, J. & Soars, L. (2000). *New headway: English course - Pre Intermediate: Workbook.* Oxford University Press. **2. Học liệu tham khảo:** - Hutchinson, T. (1999) - *Lifelines - Elementary: Students' book (Fourth edition).* Oxford: Oxford University Press. - Hutchinson, T. (1999) - *Lifelines - Elementary: Workbook.* Oxford: Oxford University Press. - Hutchinson, T. (1999) - *Lifelines - Pre Intermediate: Students' book (Fourth edition).* Oxford: Oxford University Press. - Hutchinson, T. (1999) - *Lifelines - Pre Intermediate: Workbook.* Oxford: Oxford University Press.
7.		Tiếng Anh B1	7	**1.Tài liệu bắt buộc:** - Soars, John and Liz (2000), *New Headway Pre-Intermediate: Students' Book*, OUP. - Soars, John and Liz (2000), *New Headway Pre-Intermediate: Workbook*, OUP. - Hutchinson, T (1997), *Lifelines Pre-Intermediate: Students' Book* , OUP. - Hutchinson, T (1997), *Lifelines Pre-Intermediate: Workbook,* OUP. **2. Tài liệu tham khảo:** - Blackwell, A., Naber, T (2005), *English KnowHow*: *Student's Book* 2, OUP. - Blackwell, A., Naber, T (2005), *English KnowHow*: *Workbook* 2, OUP. - Oxeden, C., Lathem-Koenig, C (1999), *English Files 2: Students' Book* , OUP.

8.		Giáo dục thể chất	4	*1.Tài liệu bắt buộc:* - Ngô Quang Huy (2005), Giáo trình Giáo dục thể chất, Bài giảng điện tử của trường ĐHKHTN, ĐHQGHN. - Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất (1998), NXB TDTT.
9.		Giáo dục quốc phòng an ninh: Một số nội dung cơ bản về đường lối quân sự của Đảng	2	**1.Tài liệu bắt buộc:** - Giáo trình GDQP tập 3 (2002), Nxb Giáo dục. - Giáo trình GDQP tập 1 (2005), Sách giáo viên. Nxb Giáo dục. - Giáo trình GDQP (2006), Một số nội dung cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng TTGDQP - ĐHQGHN. - Các văn bản hiện hành về GDQP cho học sinh – sinh viên. Vụ Giáo dục quốc phòng, Bộ Giáo dục và đào tạo (2005), Nxb Quân đội nhân dân. **2. Tài liệu tham khảo:** - Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 6, 7, 8, 9, 10 - Nghị quyết TW8 Đại hội IX về Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. - Lịch sử Việt Nam tập 1, 2, 3 (2005), Bộ Giáo dục. - Phòng chống chiến lược DBHB (2005), Nxb QĐND. - Hỏi đáp về chiến lược DBHB (2005), Nxb QĐND.
10.		Giáo dục quốc phòng an ninh: Công tác quốc phòng	2	**1.Tài liệu bắt buộc:** - Giáo trình GDQP (2002), Nxb Giáo dục. - Giáo trình GDQP đại học - cao đẳng (2005), Sách giáo viên, tập 1, Nxb Giáo dục. - Giáo trình GDQP (2006): Một số nội dung cơ bản về Công tác quốc phòng., TTGDQP - ĐHQGHN. - Các văn bản hiện hành về GDQP cho học sinh – sinh viên (2005), Vụ Giáo dục quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nxb Quân đội nhân dân. **2.Tài liệu tham khảo:** - Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 6, 7, 8, 9, 10 - Nghị quyết TW8 Đại hội IX về Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. - Lịch sử Việt Nam tập 1, 2, 3 (2005), Bộ Giáo dục.
11.		Giáo dục quốc phòng an ninh: Một số nội dung cơ bản về Kỹ thuật, chiến thuật bộ binh	3	**1.Tài liệu bắt buộc:** - Giáo trình GDQP : Một số nội dung về KTBB, Nxb Giáo dục, 2002 - Giáo trình GDQP đại học và cao đẳng, tập 2, Sách giáo viên, Nxb Giáo dục, 6/2005 - Giáo trình GDQP: Một số nội dung cơ bản về Kỹ thuật, chiến thuật bộ binh, TTGDQP - ĐHQGHN, 2006. **2. Tài liệu tham khảo:** - Bản đồ địa hình. Nxb BTTM. - Kỹ thuật bản đồ số, Nxb BTTM. - Nhữ Thị Xuân (2003), Bản đồ địa hình, Nxb ĐHQGHN. - Hành động chiến đấu cá nhân và nguyên tắc chiến đấu tiến công, phòng ngự các cấp (từ tiểu đội đến trung đội) TSQLQ1.
12.		Kĩ năng bổ trợ	3	

13.	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	**1. Tài liệu bắt buộc:** - Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hoá sử cương*, NXb Văn hoá Thông tin, Hà Nội. - Nguyễn Thừa Hỷ (2001), *Lịch sử văn hoá Việt Nam truyền thống giản yếu*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. - Trần Quốc Vượng (1998), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội. **2. Tài liệu tham khảo:** - Toan Ánh (1999), *Làng xóm Việt Nam,* NXB TP. Hồ Chí Minh. - Toan Ánh (2005), *Nếp cũ tín ngưỡng Việt Nam* (2 quyển)*, Nếp cũ hội hè đình đám* (2 quyển)*, Nếp cũ con người Việt Nam, Nếp cũ làng xóm Việt Nam,* NXB Trẻ. - Đặng Việt Bích (2005), *Thờ Mẫu - tín ngưỡng truyền thống bản địa Việt Nam,* Tạp chí Dân tộc học, số 1.
14.	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	**1. Tài liệu bắt buộc** 1. Vũ Cao Đàm, Đào Thanh Trường, *Các phương pháp nghiên cứu khoa học*, Tập bài giảng điện tử, 2015, Phòng Tư liệu Khoa Khoa học quản lý Vũ Cao Đàm, 2. *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục, 2015, Phòng Tư liệu, Viện Chính sách và Quản lý 3. Vũ Cao Đàm, Đào Thanh Trường, *Sổ tay hướng dẫn nghiên cứu khoa học dành cho các trường Cao đẳng, Đại học*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013 4. Vũ Cao Đàm, *Đánh giá nghiên cứu khoa học,* NXB KH&KT, 2011, Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý 5. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, *Phương pháp nghiên cứu xã hội học,* NXB ĐHQGHN, in lần thứ 2, 2003, (Thư viện Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội) **2. Tài liệu tham khảo** 1. L.Therese Baker, *Thực hành nghiên cứu xã hội,* NXB Chính trị quốc gia, 1998 2. Donatella Della Porta and Michael Keating, *Approaches and methodologies in the social sciences – A pluralist perspective*, Cambrige University Press, 2008, ISBN: 9780521883221 – 9780521709668

				3. Gordon Rugg and Marian Petre, *A gentle guide to Research Methods*, Open University Press, 2007, ISBN: 0335219276 4. Mark Saunders, Philip Lewis, Adrian Thornhill, *Research Methods for Business Students*, Fifth edition, Prentice Hall, 2010, ISBN: 9789810697860
15.	PSY1051	Tâm lí học đại cương	3	1. **Tài liệu bắt buộc:** - Nguyễn Quang Uẩn, Tâm lý học đại cương, NXB Đại học Quốc gia. - Trần Trọng Thủy (2002), Bài tập thực hành tâm lý học, NXB Đại học Quốc gia. **2.Tài liệu tham khảo:** - Phạm Tất Dong, (2000), Tâm lý học đại cương, NXB tủ sách đại học từ xa. - Nguyễn Đình Xuân (1990), Tâm lý học đại cương, NXB tủ sách đại học từ xa. - Phạm Minh Hạc (1980), Nhập môn tâm lý học, NXB Giáo dục. - Phạm Minh Hạc (1996), Tuyển tập Tâm lý học Piaget, NXB Giáo dục. - Nguyễn Khắc Viện (1995), Từ điển tâm lý học, NXB Giáo dục. - Phạm Minh Hạc (1988), Tâm lý học (tập 1; 2), NXB Thế giới. - Phạm Minh Hạc (1988), Tâm lý học đại cương, NXB Thế giới. - Đặng Phương Kiệt (2000), Tâm lý học, tập 1, NXB Tổng cục Chính trị Giáo dục.
16.	PHI1054	Logic học đại cương	3	**1. Tài liệu bắt buộc:** - Nguyễn Thuý Vân, Nguyễn Anh Tuấn (2007): *Giáo trình Lô gích học đại cương,* NXB Đại học Quốc gia. - Tập bài tập môn lô gích học đại cương do tổ lô gích biên soạn. - Nguyễn Thuý Vân, Nguyễn Anh Tuấn (2003): *Lôgíc học đại cương*. **2. Tài liệu tham khảo:** - Vương Tất Đạt (2000), Lô gích học đại cương. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia. - TS. Vương Tất Đạt, Bùi Văn Quân, Nguyễn Thị Vân Hà (2006): Phương pháp giải các bài tập của lô gích học; NXB Đại học kinh tế quốc dân. - Nguyễn Đức Dân (1996): Lôgíc và tiếng Việt, Nxb. Giáo dục. - Nguyễn Đức Dân (2003): Nhập môn lôgíc hình thức, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - Hoàng Chúng (1993): Lôgíc học phổ thông, Nxb. Giáo dục.
17.	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	**1.Học liệu bắt buộc:** - Vũ Dương Ninh (2002), *Lịch sử văn minh thế giới,* Nxb GD, H. - Lương Ninh (2003), *Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại,* Nxb GD, H. - Nguyễn Văn Tận, Hoàng Minh Hoa, Phạm Hồng Việt (1997), *Lịch sử văn minh thế giới,* Nxb GD, H.

				- Lương Ninh (cb), *Lịch sử thế giới cổ trung đại,* Nxb GD, 2003. - Trịnh Nhu, Nguyễn Gia Phu (1990), *Đại cương lịch sử thế giới cổ đại*, Nxb ĐH & GDCN, H.
18.	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	**1. Tài liệu bắt buộc:** - Hoµng ThÞ Kim QuÕ (2005), Khoa LuËt - §¹i häc quèc gia Hµ néi, *Gi¸o tr×nh lý luËn chung nhµ níc vµ ph¸p luËt*, NXB §¹i häc Quèc gia Hµ néi, . - NguyÔn Cöu ViÖt (1997), *Gi¸o tr×nh nhµ níc vµ ph¸p luËt ®¹i c¬ng,* Nhµ xuÊt b¶n §¹i häc Quèc gia Hµ néi. **2. Tài liệu tham khảo:** - Khoa LuËt, §¹i häc Quèc gia Hµ néi (2002), *Nhµ níc vµ ph¸p luËt ViÖt Nam tríc thÒm thÕ kû XXI,* Nhµ xuÊt b¶n C«ng an nh©n d©n, Hµ néi. - Khoa LuËt, §¹i häc Quèc gia Hµ néi (2004), *C¶i c¸ch t ph¸p ë ViÖt Nam trong giai ®o¹n x©y dùng nhµ níc ph¸p quyÒn,* Nhµ xuÊt b¶n §¹i häc Quèc gia Hµ néi.
19.	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	**1. Tài liệu bắt buộc:** - Kinh tế học vi mô, Giáo trình dùng trong các trường Đại học (1997), Cao đẳng khối kinh tế của Bộ GD &ĐT. Nhà XB Giáo dục. - Kinh tế học vĩ mô, Giáo trình dùng trong các trường Đại học (1997), Cao đẳng khối kinh tế của Bộ GD &ĐT. Nhà XB Giáo dục. **2. Tài liệu tham khảo:** - David Begg, S. Fisher, R. Dornbush (1992),Kinh tế học, tập I- Nhà XB Giáo dục. - David Begg, S. Fisher, R. Dornbush (1992), Kinh tế học, tập II- Nhà XB Giáo dục. - Giáo trình Kinh tế học đại cương, trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
20.	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	**1. Tài liệu bắt buộc:** - Lê Văn Khoa (2004). Khoa học môi trường. Nxb. Giáo dục. Hà Nội. - Lê Quý An (2006). Việt Nam - Môi trường và cuộc sống. Hà Nội. - Hành trình vì sự phát triển bền vững 1972-1992-2002 (2002), NXB Chính trị quốc gia. **2. Tài liệu tham khảo:** - Luật bảo vệ môi trường của Việt Nam. - Nghị định 80/CP/2006 Hướng dẫn thi hành Luật Bảo vê môi trường - Nghị định 81/CP/2006 Về Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. - GEO 2000 Global Environmental outlook.
21.	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	**1. Tài liệu bắt buộc:** - §µo H÷u Hå (2007), Gi¸o tr×nh Thèng kª X· héi häc - NXB Gi¸o dôc **2. Tài liệu tham khảo:** - §µo H÷u Hå (2006), Thèng kª X· héi häc – NXB §HQGHN, in lÇn thø 7 - Lincoln L.Chao, Statistics: Methods and Analyses – International Student Edition (1969) (®Ó tham kh¶o thuËt ng÷ tiÕng Anh)

22.	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	**1. Tài liệu bắt buộc:** - NguyÔn Minh thuyÕt, NguyÔn V¨n HiÖp (1996): TiÕng ViÖt thùc hµnh- NXB §HQGHN. - NguyÔn H÷u §¹t (2002): TiÕng ViÖt thùc hµnh- NXB §HQGHN. - TrÇn TrÝ Dâi (2000): Bµi tËp tiÕng ViÖt thùc hµnh- NXB §HQGHN. **2. Tài liệu tham khảo:** - NguyÔn §øc D©n (1995): TiÕng ViÖt (thùc hµnh)- NXB §HTHtpHCM. - NguyÔn §øc D©n (1992): C©u sai vµ c©u m¬ hå- NXB GD. - TrÇn Ngäc Thªm (1985): HÖ thèng liªn kÕt v¨n b¶n tiÕng ViÖt- NXB KHXH-
23.	LIB1050	Nhập môn Năng lực thông tin	2	**1. Tài liệu bắt buộc:** 1. Nghiêm Xuân Huy, 2006, *Kiến thức thông tin với giáo dục đại học*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế về Kiến thức thông tin năm 2006 2. Trung tâm học liệu Đại học Huế, 2015, *Kỹ năng tìm kiếm và đánh giá thông tin trên Internet*, truy cập tại <http://www.lrc-hueuni.edu.vn/guide/WB/Danh_gia_tai_lieu_tren_mang.ppt> 3. Trung tâm học liệu Đại học Huế, 2015, Kỹ năng trích dẫn tài liệu, truy cập tại <http://www.lrc-hueuni.edu.vn/guide/WB/Ky_nang_trich_dan_tai_lieu27122010.ppt 4. Trung tâm Thông tin phát triển Việt Nam, 2012, *Kỹ năng trích dẫn tài liệu*, truy cập tại <http://www.vdic.org.vn/images/stories/data/File/Library/Referencing_skills_v4.pdf> 5. Trung tâm Thông tin phát triển Việt Nam, 2012, *Tìm kiếm thông tin trên Internet,* truy cập tại <http://www.vdic.org.vn/images/stories/data/File/Library/Internet_searching_v5.pdf> 6. Phần mềm Mendeley, 2015, download tại <https://www.mendeley.com/download-mendeley-desktop/>

				7. Hướng dẫn sử dụng phần mềm Mendeley, 2015, truy cập tại <http://community.mendeley.com/guides/videos> 8. Joe Landsberger, 2015, *Cẩm nang và chiến lược dành cho học tập*, truy cập tại <http://www.studygs.net/vietnamese/> 9. Joe Landsberger, 2015, *Tổ chức nghiên cứu và tránh đạo văn*, truy cập tại <http://www.studygs.net/vietnamese/writing/plagiarism.htm> 10. Nghiêm Xuân Huy (dịch), 2012, *Đánh giá thông tin trên Internet*, truy cập tại <http://vietnamlib.net/chuyen-mon-nghiep-vu/dao-tao-nguoi-dung-tin/danh-gia-thong-tin-tren-internet>
24.	ANT1100	Nhân học đại cương	3	**1. Tài liệu bắt buộc:** - Emily Schultz and Robert Lavenda (2001), *Nhân học: Một quan điểm về tình trạng nhân sinh*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia. - Grant Evans (2001), *Bức khảm văn hóa châu Á: Tiếp cận nhân học*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc. - Conrad Phillip Kottak (2006), *Hình ảnh nhân học: Lược khảo nhập môn nhân chủng học văn hóa*, Nxb. Văn hóa Thông tin. - Lê Sỹ Giáo (chủ biên), *Dân tộc học đại cương*. Nxb Giáo Dục. - Đặng Cảnh Khanh – Lê Thị Qúy (2007) *Gia đình học*. Nxb. Lý luận Chính trị. - Mai Huy Bích, "Vài nhận xét về vai trò chăm sóc và dạy dỗ của người cha" (*Tạp chí Xã hội học*, 2003, số 2)
25.	PHI1101	Tôn giáo học đại cương	3	**1. Tài liệu bắt buộc:** - Trần Đăng Sinh - Đào Đức Doãn (2005), *Giáo trình tôn giáo học*, Nxb Đại học Sư phạm. - Nguyễn Hữu Vui – Trương Hải Cường (2003), *Tập bài giảng Tôn giáo học*, Nxb Chính trị Quốc gia. - Nguyễn Thanh Xuân (2012), *Một số tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo. - Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo **2. Tài liệu tham khảo:** - Ph.Ăngghen (1878), *Chống Đuy-rinh*, C.Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, tập 20, NXB Chính trị Quốc gia (1995), (tr 9 - 450). - Ban Tôn giáo Chính phủ (2006), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia. - Nguyễn Hồng Dương (2001), *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội. - Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Hội nghị lần thứ Bảy Ban chấp hành Trung ương Khóa IX*, NXB Chính trị Quốc gia.

26.	PSY2023	Tâm lí học xã hội	3	**1. Tài liệu bắt buộc:** - Trần Hiệp (1997), Tâm lý học xã hội, NXB Khoa học Xã hội. - Trần Thị Minh Đức (1996), Tâm lý học xã hội, NXB Giáo dục. **2. Tài liệu tham khảo:** - Fischer (1992), Những khái niệm cơ bản của tâm lý học xã hội, NXB Thế giới. - Đặng Phương Kiệt (1994), Tâm lý học và đời sống, NXB Khoa học Xã hội. - Đỗ Long (1991), Tâm lý học xã hội: những lĩnh vực ứng dụng, NXB Khoa học Xã hội. - Helmut Kromey (1999), Nghiên cứu xã hội học thực nghiệm, NXB Thế giới. - Vũ Dũng (2000), Tâm lý học xã hội, NXB Khoa học Xã hội - Trần Thị Minh Đức (2008), Các thực nghiệm trong tâm lý học xã hội, NXB Đại học Quốc gia. - Knud S. Larsen, Lê Văn Hảo (2010), Tâm lý học xã hội, NXB Từ điển bách khoa.
27.	HIS1100	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	**1. Tài liệu bắt buộc:** - Nguyễn Quang Ngọc (2000): *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục. - Trương Hữu Quýnh, Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh (1997): *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập 1, Nxb Giáo dục. - Lê Mậu Hãn (1998): *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập 3, Nxb Giáo dục. **2. Tài liệu tham khảo:** - Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn (1961): *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, Tập 1, Nxb Giáo dục. - Phan Huy Lê (1960): *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập 2, Nxb Giáo dục. - Phan Huy Lê, Vương Hoàng Tuyên, Chu Thiên, Đinh Xuân Lâm (1965): *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập 3, Nxb Giáo dục. - Phan Huy Lê, Bùi Đăng Dũng, Phan Đại Doãn, Phạm Thị Tâm, Trần Bá Chí (1976): *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử Việt Nam,* Nxb Quân đội nhân dân. - Nguyễn Văn Khánh (2000), *Cơ cấu kinh tế- xã hội Việt Nam thời thuộc địa*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
28.	PSY1100	Tâm lí học giao tiếp	2	**1. Tài liệu bắt buộc:** - Lê Thị Bừng (2001), Tâm lý học ứng xử, NXB Giáo dục
29.	PSY1150	Tâm lí học phát triển	3	**1.Tài liệu bắt buộc:** - Trương Thị Khánh Hà (2013), Tâm lý học phát triển, NXB Đại học Quốc gia. - Vũ Thị Nho (1999), Tâm lý học phát triển, NXB Đại học Quốc gia. **2. Tài liệu tham khảo:** - Nguyễn Văn Đồng (2004), Tâm lý học phát triển, NXB Chính trị Quốc gia. - Nguyễn Anh Tuyết (2001), Tâm lý học trẻ em, NXB Giáo dục. - Patricia H.Miler (2003), Các lý thuyết về tâm lý học phát triển, NXB Văn hóa thông tin. - J. Piaget (1998), Tâm lý học trí khôn, NXB Giáo dục. - Thời Triệu (2000), Phương pháp giáo dục trẻ con (sách dịch), NXB Đà Nẵng.

				- N.X Lâytex (1978), Năng lực trí tuệ và lứa tuổi, NXB Giáo dục. - V.X. Mukhina (1980), Tâm lý học mẫu giáo), NXB Giáo dục.
30.	PSY1151	Tâm lí học sức khỏe	2	**1. Tài liệu bắt buộc** - Tập bài giảng của giảng viên, 2013. - Andrew Baum Tracey A. Revenson Jerome E. Singer. *Handbook of Health Psychology.* Lawrence Erlbaum Associates Publishers. Mahwah, New Jersey London, 2001. **2. Tài liệu tham khảo** - E. Taylor. *Health psychology.* Mc Graw Hill, 1999. Phòng đọc Khoa - Marian Pitts and Keith Phillips. *The Psychology of Health* . Reprinted 2001 by Routledge 27 Church Road, Hove East Sussex, BN3 2FA
31.	SOC1051	Xã hội học đại cương	03	1. Anthony Giddens, *Sociology*, Policy Press, Cambridge, 2009. 2. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên), *Xã hội học,* Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội Hà Nội, 1997. 3. Lê Ngọc Hùng, *Lịch sử và Lý thuyết Xã hội học*, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2002. 4. John Macionis, *Sociology*, Prentice Hall, New Jersey, 2008.
32.	SOW1100	Công tác xã hội đại cương	3	● Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Hồi Loan (chủ biên), *Giáo trình Công tác xã hội đại cương",* Nxb.. ĐHQGHN, 2015 ● Nguyễn Thị Kim Hoa , *Công tác xã hội với người khuyết tật*, Nxb.. Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội, 2014 ● Phạm Huy Dũng (biên dịch) *Một số lý thuyết CTXH*, Nxb.. Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, 2006. ● Nguyễn Thị Oanh, *Công tác xã hội đại cương*, Nxb..Giáo dục, 1998.
33.	SOW1102	Phát triển cộng đồng	3	● Tô Duy Hợp và Lương Hồng Quang, *Phát triển cộng đồng - Lý thuyết và vận dụng.* Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2000. ● Nguyễn Thị Oanh, *Phát triển cộng đồng*, Bộ giáo dục và đào tạo, Đại học mở - bán công tp. Hồ Chí Minh, khoa Phụ nữ học, 2000. ● Trần Đình Tuấn, *Công tác xã hội: Lí thuyết và thực hành,* Nxb.. Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội, 2010. ● Trịnh Văn Tùng và Mai Tuyết Hạnh trong Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Hồi Loan (đồng chủ biên) và tập thể tác giả, *Công tác xã hội đại cương,* Nxb.. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015. ● Trịnh Văn Tùng (chương 12) trong Nguyễn Thị Kim Hoa (chủ biên) và tập thể tác giả, *Công tác xã*

				hội với người khuyết tật, Nxb.. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015.
34.	SOW2003	Gia đình học	2	● Lê Trường An, *Tìm hiểu tác phẩm Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*, NXB. Chính trị Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004. ● Mai Huy Bích, *Xã hội học gia đình,* Nxb.. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003 ● Vũ Quang Hà (biên dịch), *Tương lai của gia đình*, NXB. ĐHQG, 2001 ● Robert Lowie, *Luận về xã hội học nguyên thuỷ* Nxb.. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001
35.	SOW2004	Hành vi con người và môi trường xã hội	3	● Đại học mở bán công TP. HCM. *Hành vi con người và Môi trường xã hội*; Tài liệu tập huấn, 1997, Đại học Fordham – Hoa Kỳ ● Nguyễn Thị Hồng Nga, *Hành vi con người và môi trường xã hội*, Nxb.. Lao động – Xã hội, 2010 ● Patricia H.Miler, *Các lý thuyết về tâm lý học phát triển*, Nxb.. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2003 ● Trần Đình Tuấn, *Công tác xã hội*: *Lý thuyết và Thực hành,* Nxb.. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội. 2009
36.	SOW3032	Lý thuyết Công tác xã hội	●	● Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Hồi Loan (chủ biên), *Giáo trình Công tác xã hội đại cương",* Nxb.. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015 ● Nguyễn Thị Kim Hoa , *Công tác xã hội với người khuyết tật*, Nxb.. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2014 ● Malcome Payne (bản dịch), *Modern Social Work Theory*, 1997 ● Patricia H.Miler, *Các lý thuyết về tâm lý học phát triển*, Nxb.. Văn hoá -Thông tin, Hà Nội, 2003.
37.	SOC3055	Thực hành nghiên cứu xã hội	2	● Therese Baker (bản dịch), *Thực hành nghiên cứu xã hội,* Nxb.. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998. ● Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, *Phương pháp nghiên cứu xã hội học,* Nxb.. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2011. ● Earl Babbie, *The Practice of Social Research,* Wadsworth, Belmont, CA, 2004. ● Alan Bryman, *Social Research Methods*, Oxford University Press, Oxford, 2001. ● Jonh Creswell, *Research Design: Qualitative, Quantitative, and Mixed Methods Approaches,* SAGE, Thousand Oaks, 2003.
38.	SWO3033	Phương pháp nghiên cứu Công tác xã hội	3	● Vũ Cao Đàm, *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học,* Nxb.. Giáo dục, Hà Nội, 2008 ● Trần Đình Tuấn, *Công tác xã hội: Lý thuyết và thực hành*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2009.

				● Đại học Thăng Long, *Công tác xã hội- Lý thuyết và thực hành CTXH trực tiếp*, Nxb.. Đại học Sư Phạm 2007 ● Nguyễn Quý Thanh & Phạm Văn Quyết, *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, Nxb.. Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội 2001.
39.	SOW3034	Công tác xã hội với cá nhân	3	● Grace Mathew" *Nhập môn CTXH cá nhân*" (Bản dịch: Lê Chí An), NXB. ĐH Bán công TP Hồ Chí Minh 1999 ● Trần Văn Kham (bản dịch) từ Malcolm Payne, *Lý thuyết công tác xã hội hiện đại*, Nxb Lyceum Books INC, 1997. ● Mai Thị Kim Thanh, *Công tác xã hội với cá nhân* (Bài giảng đã nghiệm thu) ● Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Hồi Loan (đồng chủ biên), *Công tác xã hội đại cương*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015. ● Mai Thị Kim Thanh , *Nhập môn Công tác xã hội*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2010. ● Trần Đình Tuấn, *Công tác xã hội: Lý thuyết và thực hành,* Nxb. Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội, 2010
40.	SWO3035	Công tác xã hội nhóm	3	●Nguyễn Thị Thái Lan, Nguyễn Thị Thanh Hương, *Công tác xã hội nhóm,* Nxb. Lao động-Xã hội, 2007. ●Charles H. Zastrow, *Social work with Groups*, *A Comprehensive worktext*,8th editon, Brooks/Cole Empowerment Series, 2009 ●Đại học Thăng Long, *Công tác xã hội, lý thuyết và thực hành Công tác xã hội trực tiếp*, Nxb.Đại học Sư Phạm Hà Nội, 2007 ●Trần Đình Tuấn, C*ông tác xã hội: Lý thuyết và thực hành,* Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009
41.	SOW3036	Tham vấn trong Công tác xã hội	3	● Nguyễn Thơ Sinh*, Tư vấn tâm lý căn bản*, Nxb.Lao động, Tp. HCM, 2006. ● Nguyễn Xuân nghĩa và Lê Lộc (biên dịch) từ Kathryn G. & David G., *Công tác tham vấn trẻ em* Đại học Mở-Bán công, TPHCM, khoa phụ nữ học, 2000. ● Lan Khuê dịch từ Yeo, *Bàn tay giúp đỡ*, , Nxb. Trẻ, 2005. ● Tô Thị Ánh và Vũ Trọng Ứng dịch từ Carl Rogers, *tiến trình thành nhân,* , Nxb.TPHCM, 1992. ● Ánh Dương *biên soạn* từ Jesse S. Nirenberg, *Bạn có hấp dẫn không? ,* Nxb. Trẻ, 1994.
42.	SOW3050	Thực hành Công tác xã hội cá nhân	2	● Lê Chí An dịch từ Grace Mathew: *Nhập môn CTXH cá nhân*, Nxb. ĐH Bán công TP Hồ Chí Minh,1999. ● Lê Anh Tuấn (biên dịch), *Thực hành Công tác xã hội*, Đại học KHXH&NV Hà Nội, 2008.

				● Nguyễn Thị Kim Hoa (chủ biên), *Sổ tay hướng dẫn thực hành Công tác xã hội*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012. ● Đại học Dân lập Thăng Long, *Bài giảng Công tác xã hội. Lý thuyết và thực hành Công tác Xã hội trực tiếp*, NXB. Đại học Sư phạm, 2007. ● Trần Đình Tuấn, *Công tác xã hội lý thuyết và thực hành*, NXB. Đại học Quôc gia Hà Nội, 2010. ● Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Hồi Loan (chủ biên) "*Công tác xã hội đại cương* " NXB. Đại học QG, 2015. ● Mai Thị Kim Thanh " *Nhập môn Công tác xã hội* " NXB. Giáo dục HN, 2010.
43.	SOW3051	Thực hành công tác xã hội nhóm và phát triển công đồng	5	● Pamella Klein Odhnern (1998), *Giới thiệu thực hành công tác xã hội*, tập 1&2, (biên tập viên Tiếng Việt: Nguyễn Thuý Nga) ● Nguyễn Thị Kim Hoa (chủ biên), *Sổ tay hướng dẫn thực hành Công tác xã hội,* NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012 ● Đại học Dân lập Thăng Long, *Bài giảng Công tác xã hội. Lý thuyết và thực hành công tác xã hội trực tiếp,* NXB. Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, 2007 ● Trần Đình Tuấn, *Công tác xã hội lý thuyết và thực hành,* NXB. Đại học Quôc gia Hà Nội. 2010 ● Lê Anh Tuấn (biên dịch, 2008), *Thực hành Công tác xã hội,* Đại học KHXH&NV Hà Nội.
44.	SOW3052	An sinh xã hội	2	● Nguyễn Văn Định (chủ biên), *Giáo trình An sinh xã hội.*. NXB. ĐHKTQD, HN, 2008 ● Nguyễn Hải Hữu, *Giáo trình nhập môn An sinh xã hội*, NXB. LĐXH, HN 2012 ● Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam. Nxb.CTQG, HN 2009 ● Charles Zastrow " *Introduction to Social Work and Social Welfare*", Wadsworth Publishing Company, 2000
45.	SOW3040	Công tác xã hội với nhóm người nghiện ma túy, mại dâm và nhiễm HIV/AIDS	3	● Tư vấn điều trị cai nghiện ma túy, tài liệu USID, FHU, Nxb.. Văn hóa – thông tin, 2010. ● Giảm kỳ thị và phân biệt đối xử với người khuyết tật – người nhiễm HIV – người nghiện ma túy – người mại dâm, ISDS, Oxfam Novib, Trường ĐHLĐ – XH, 2012. ● Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ em bị nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, UNICEF, 2005
46.	SOW3041	Công tác xã hội với người khuyết tật	2	● Nguyễn Thị Kim Hoa (2014). Công tác xã hội với người khuyết tật. NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Quý II năm 2014. ISBN: 978-604-939-844-5 ● Nguyễn Thị Thục An, Khoa Giáo dục Đặc biệt – ĐHSP Hà Nội, 2006 ● Vũ Ngọc Bình, Trẻ em tàn tật và quyền của các em, NXB. lao động xã hội, 2001

				● Claude Della-Courtiade, chăm sóc trẻ khuyết tật tại nhà, tài liệu dịch, 2000Kirk ● Gallagher Anastasiow, Giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt, Bản dịch tiếng việt ● Nguyễn Công Khanh, Tâm lý trị liệu, NXB. ĐHQG Hà Nội,1997 ● USAID, VNAH, sổ tay công tác xã hội hỗ trợ người khuyết tật, NXB. Đà Nẵng 2012
47.	SOW3042	Đạo đức nghề nghiệp	2	● Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Hồi Loan (chủ biên), Giáo trinh Công tác xã hội đại cương, Nxb.. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015 ● Mai Kim Than, Nhập môn Công tác xã hội, NXB. Giáo dục, 2010 ● Ths. Trần Đình Tuấn, Công tác xã hội: Lý thuyết và thực hành, NXB. ĐHQG HN, 2010 ● Trần Đình Tuấn (dịch), Quy tắc đạo đức nghề nghiệp của Hội nghề CTXH Hoa Kỳ
48.	SOW3043	Công tác xã hội với trẻ em	2	● Nguyễn Thanh Hương, Nguyễn Lê Trang " *CTXH với gia đình và trẻ em*", ĐH Lao động, 2011. ● Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Hồi Loan (chủ biên) "*Công tác xã hội đại cương* " NXB. Đại học QG, 2015. ● Mai Thị Kim Thanh " *Nhập môn Công tác xã hội* " NXB. Giáo dục HN, 2010. ● Trần Đình Tuấn (2010), *Công tác xã hội: Lý thuyết và thực hành,* Nxb. Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội
49.	SOW3044	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	● Tài liệu tập huấn chăm sóc sức khỏe tâm thần, Bộ LĐTBXH và Trường ĐHKHXHNV-ĐHQGHN, NXB. LĐXH 2011 ● Võ Văn Bản, (2002), Thực hành điều trị tâm lý, NXB. Y học. ● Nguyễn Công Khanh, (2000), Tâm lý học trị liệu, NXB. ĐHQGHN. ● .Phạm Khuê, (2002), Bệnh Alzeimer, NXB. Y học ● Nguyễn Minh Tuấn, (2002), Các rối loạn tâm thần: Chẩn đoán và điều trị, NXB. Y học
50.	SOW3045	Công tác xã hội với người nghèo	3	● Tài liệu tập huấn cán bộ làm xoá đói giảm nghèo - Bộ lao động - Thương binh xã hội - 2004 - Hà Nội. ● Xoá đói giảm nghèo với tăng trưởng kinh tế - NXB. LĐXH - 1997 - Hà nội. ● Vấn đề nghèo ở Việt Nam - NXB. Chính trị quốc gia - 1996 - Hà Nội. ● Chính sách xã hội và công tác xã hội ở Việt Nam thập niên 90, PGS. TS. BùiThế Cường - XB KHXH - 2002 Hà Nội
51.	SOW3046	Quản trị ngành Công tác xã hội	2	● Dr.Catherine- Bài giảng: Quản trị ngành Công tác xã hội cho lớp Tạo nguồn giảng viên Công tác xã hội – Đại học sư phạm Hà nội

				● Edited by W.D. Birrell, P.A.R. Hillyard, A.S.Murie and D.J. D. Roche. Social Administration. ● Lê Chí An (Biên dịch) – Quản trị ngành Công tác xã hội (Quản lý năng động và các mối tương quan nhân sự). ● Phạm Huy Dũng (chủ biên) " nhập môn CTXH " (Bài giảng của Trường ĐH Thăng Long, Hà Nội 2006). ● Phạm Huy Dũng (chủ biên) " Một số lý thuyết CTXH " (tài liệu biên dịch, ĐH Thăng Long, Hà Nội 2006)
52.	SOW3022	Công tác xã hội trường học	2	● Nguyễn Thị Như Trang *Công tác xã hội trong trường học,* tập bài giảng ● David R.Dupper, School Social Work, 1993 (*bản dịch bằng tiếng Việt*) ● NASW, NASW standard for School Social Work Services, 2002 (bản dịch tiếng Việt) ● Luật giáo dục, 2003
53.	SOW 3047	Công tác xã hội trong bệnh viện	2	● Đào Văn Dũng (Chủ biên) (2012), Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. NXB. Chính trị Quốc gia ● Trần Thị Minh Đức (2012), Giáo trình Tham vấn tâm lý. NXB. ĐHQGHN. ● Joan Beder (2006), Hospital Social Work – The interface of Medicine and Caring. NY: Routledge. ● Sarah Gehlert, Teri Browne (2012), Handbook of health Social work. NY: Wiley.
54.	SOW3019	Công tác xã hội với người cao tuổi	2	●Bộ Tư pháp: *Luật người cao tuổi.* NXB. Tư pháp, Hà Nội, 2010. ●Nguyễn Văn Đồng, *Tâm lý học phát triển, giai đoạn thanh niên đến tuổi già,* NXB. Chính trị Quốc gia, 2007. ●Nguyễn Thị Kim Hoa chủ biên, *Giáo trình CTXH với người cao tuổi*, Bộ lao động thương binh và xã hội, 2012. ●Đặng Vũ Cảnh Linh: *Người cao tuổi và các mô hình chăm sóc người cao tuổi ở Việt Nam,* NXB. Dân trí, 2009.
55.	SOW3020	Công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn	2	● Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Hồi Loan (Chủ Biên) "Công tác xã hội đại cương", Nxb.. Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2015 ● Nguyễn Thị Kim Hoa, "Công tác xã hội với người khuyết tật". Nxb.. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015. ● Phạm Huy Dũng (chủ biên) " nhập môn CTXH " (Bài giảng của Trường ĐH Thăng Long, Hà Nội 2006). ● Phạm Huy Dũng (chủ biên) " Công tác xã hội lý thuyết và thực hành " (tài liệu biên dịch, ĐH Thăng Long, Hà Nội 2006

56.	SOW3048	Công tác xã hội với bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình	2	● Nguyễn Thị Kim Hoa, Giáo trình CTXH với Bất bình đẳng giới và Phòng chống bạo lực gia đình, Nxb.. Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2012 ● Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Hồi Loan (Chủ Biên) "Công tác xã hội đại cương", Nxb.. Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2015 ● Nguyễn Thị Kim Hoa, "Công tác xã hội với người khuyết tật". Nxb.. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.
57.	SOW3049	Quản lý ca	●	●Nguyễn Hồi Loan, Quản lý trường hợp cho người sử dụng ma túy tại việt nam, Tổ chức FHI, Cục Bảo trợ xã hội, NXB. LĐXH, 2013. ●USAID, Quản lý ca, TPHCM, 2010 (Dự án nâng cao năng lực dịch vụ hỗ trợ TL-XH cho trẻ em dễ bị tổn thương) ●Nguyễn Thị Kim Hoa, Giáo trình CTXH với Bất bình đẳng giới và Phòng chống bạo lực gia đình, Nxb.. Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2012 ●Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Hồi Loan (Chủ Biên) "Công tác xã hội đại cương", Nxb.. Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2015
58.	SOW4055	Thiết kế nghiên cứu trong công tác xã hội	3	● VVũ Cao Đàm, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, 2011, NXB. ĐHQG HN. ● Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2011), Phương pháp nghiên cứu Xã hội học, NXB. ĐHQG HN. ● Allen Rubin, Earl Babbie (2001), Research Methods for Social Work, 4th edition, Brooks/Cole ● Brett Drake, Melissa Johnson-reid (2008), Social Work Research Methods – From conceptualization to dissemination, Allyn & Bacon. ● Margret Williams, Leslie M.Tutty, Richard M.Ginnell (1995), Research in Social Work – An introduction, 2nd edition, P.Ee Peacock Publishers.
59.	SOW4058	Thiết kế can thiệp trong công tác xã hội	2	● Lê Chí An (bản dịch) từ Grace Mathew, *Nhập môn Công tác xã hội cá nhân.*Nxb.. Đại học Bán công Tp. Hồ Chí Minh, 1999. ● Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Hồi Loan (đồng chủ biên) và tập thể tác giả, *Công tác xã hội đại cương,* Nxb.. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015. ● Bùi Thị Xuân Mai,*Giáo trình công tác xã hội nhóm,* Nxb.. Lao động – Xã hội, Hà Nội. ● Nguyễn Thị Oanh, *Phát triển cộng đồng*, Bộ giáo dục và đào tạo, Đại học mở - bán công tp. Hồ Chí Minh, khoa Phụ nữ học, 2000. ● Trần Đình Tuấn, *Công tác xã hội: Lí thuyết và thực hành,* Nxb.. Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội, 2010.

				• Trịnh Văn Tùng (chương 12) trong Nguyễn Thị Kim Hoa (chủ biên) và tập thể tác giả, *Công tác xã hội với người khuyết tật*, Nxb.. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015.

4.Đội ngũ cán bộ giảng dạy (ghi theo số thứ tự trong khung chương trình)

Số TT	**Mã học phần**	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Cán bộ giảng dạy**			
				Họ và tên	*Chức danh khoa học, học vị*	*Chuyên ngành đào tạo*	*Đơn vị công tác*
1.	PHI1004	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 1	2	Dương Văn Thịnh	PGS.TS	Triết học	Khoa Triết học
2.	PHI1005	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 2	3	Lại Quốc Khánh Lưu Minh Văn	PGS.TS PGS.TS	Chính trị học	Khoa Khoa học chính trị
3.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Ngô Đăng Tri	PGS.TS	Lịch sử	Khoa Lịch sử
4.	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	Vũ Thị Phụng	PGS.TS.		Khoa TTTV
5.	INT1004	Tin học cơ sở	3	Dương Văn Thịnh Đặng Thị Lan	PGS.TS PGS.TS	Triết học	Khoa Triết học
6.	FLF1105 FLF1205 FLF1305 FLF1405	Ngoại ngữ A1 Tiếng Anh A1 Tiếng Nga A1 Tiếng Pháp A1 Tiếng Trung A1	4	Trường Đại học Ngoại ngữ-ĐHQG			
7.	FLF1106 FLF1206 FLF1306 FLF1406	Ngoại ngữ A2 Tiếng Anh A2 Tiếng Nga A2 Tiếng Pháp A2 Tiếng Trung A2	5	Trường Đại học Ngoại ngữ-ĐHQG			

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	*Chức danh khoa học, học vị*	*Chuyên ngành đào tạo*	*Đơn vị công tác*
8.	FLF1107 FLF1207 FLF1307 FLF1407	Ngoại ngữ B1 Tiếng Anh B1 Tiếng Nga B1 Tiếng Pháp B1 Tiếng Trung B1	5	Trường Đại học Ngoại ngữ-ĐHQG			
9.		Ngoại ngữ B2	5	Tường Đại học Ngoại Giảng viên trường ĐH ngoại ngữ-ĐHQG			
	FLF1108	Tiếng Anh B2					
	FLF1208	Tiếng Nga B2					
	FLF1308	Tiếng Pháp B2					
	FLF1408	Tiếng Trung B2					
10.		Giáo dục thể chất	4	Trung tâm GD thể chất			ĐHQG
11.		Giáo dục quốc phòng-an ninh	7	Trung tâm GD Quốc phòng			ĐHQG
12.		Kĩ năng mềm	3	Đại học Quốc gia HN			Đại học Quốc gia HN
13.	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	Lâm Mỹ Dung	PGS.TS	Lịch sử	Khoa Lịch sử
14.	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Vũ Cao Đàm Đào Thanh Trường	PGS.TS TS	XHH XHH	Khoa học quản lý
15.	PSY1051	Tâm lí học đại cương	3	Trương Thị Khánh Hà Nguyễn Văn Lượt	PGS.TS TS	Tâm lý học	Khoa Tâm lý học
16.	PHI1051	Logic học đại cương	3	Nguyễn Thúy Vân Nguyễn Anh Tuấn	PGS.TS PGS.TS	Triết học	Khoa Triết học
17.	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	Nguyễn Văn Kim	PGS.TS	Lịch sử	Khoa Lịch sử
18.	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	Hoàng Thị Kim Quế Nguyễn Minh Tuấn	PGS.TS ThS	Luật	Khoa Luật, ĐHQGHN
19.	SOC1051	Xã hội học đại cương	3	Nguyễn Tuấn Anh Nguyễn Thu Hà	PGS.TS PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	*Chức danh khoa học, học vị*	*Chuyên ngành đào tạo*	*Đơn vị công tác*
20.	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	Khoa Kinh tế			ĐHQGHN
21.	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	Nguyễn Thị Phương Loan	GVC	Môi trường & Phát triển	Đại học KHTN
22.	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	Đào Hữu Hồ Trần Mạnh Cường	GS.TS ThS	Toán học	Đại học KHTN
23.	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	Đặng Thanh Lan Trần Trí Dõi	PGS.TS GS.TS	Ngôn ngữ học	Khoa Ngôn ngữ
24.	LIB1050	Nhập môn Năng lực thông tin	2	Nguyễn Xuân Huy	TS	Tin học	Ban KH&CN ĐHQGHN
25.	SOW1100	Công tác xã hội đại cương	3	Nguyễn Thị Kim Hoa Đặng Kim Khánh Ly	PGS.TS ThS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
26.	ANT1100	Nhân học đại cương	3	Lâm Bá Nam Lê Sỹ Giáo	PGS.TS PGS.TS	Dân tộc học	Khoa Nhân học
27.	PHI1101	Tôn giáo học đại cương	3	Trần Kim Oanh Nguyễn Hữu Thụ	TS ThS	Triết học	Khoa Triết học
28.	PSY2023	Tâm lí học xã hội	3	Hoàng Mộc Lan Trịnh Thị Linh	PGS,TS TS	Tâm lý học	Khoa Tâm lý học
29	SOW2003	Gia đình học	2	Lê Thái Thị Băng Tâm Lê Thị Quý	ThS GS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
30	SOC1100	Sử dụng phần mềm xử lí dữ liệu	2	Lê Thái Thị Băng Tâm	ThS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
31	HIS1100	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	Vũ Văn Quân Nguyễn Đình Lê	PGS.TS PGS.TS	Lịch sử	Khoa Lịch sử
32	SOW1101	Dân số học đại cương	3	Nguyễn Thị Kim Hoa Bùi Quỳnh Như	PGS.TS ThS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
33	PSY1100	Tâm lí học giao tiếp	2	Hoàng Mộc Lan Nguyễn Hạnh Liên	PGS,TS ThS	Tâm lý học	Khoa Tâm lý học
34	PSY1150	Tâm lí học phát triển	3	Trương Thị Khánh Hà Trịnh Thị Linh	PGS,TS TS	Tâm lý học	Khoa Tâm lý học
35	SOW2004	Hành vi con người và môi trường xã hội	3	Nguyễn Hồi Loan	PGS.TS	Tâm lý học	Khoa XHH
36	SOW1102	Phát triển cộng đồng	3	Trịnh Văn Tùng Nguyễn Thu Trang	PGS.TS ThS	Xã hội học	Khoa Xã hội học

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	*Chức danh khoa học, học vị*	*Chuyên ngành đào tạo*	*Đơn vị công tác*
37	PSY1151	Tâm lí học sức khỏe	2	Nguyễn Minh Hằng Trần Thu Hương	PGS.TS PGS.TS	Tâm lý học	Khoa Tâm lý học
38	SOC3024	Chính sách xã hội	2	Nguyễn Tuấn Anh	PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
39	SOC3006	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	3	Nguyễn Quý Thanh Mai Quỳnh Nam	PGS.TS PGS.TS	Xã hội học	-Viện Đảo bảo chất lượng ĐHQGHN - Viện Xã hội học
40	SOW3045	Công tác xã hội với người nghèo	3	Nguyễn Thị Kim Hoa	PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
41	SOW3032	Lí thuyết công tác xã hội (Social work theory)	3	Nguyễn Như Trang	TS	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Nguyễn Hữu Quân	ThS	Công tác xã hội	Khoa xã hội học
42	SOC2056	Thực hành nghiên cứu xã hội (Practical social reasearch)	2	Nguyễn Tuấn Anh	PGS.TS	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Đặng Kim Khánh Ly	ThS	Xã hội học	Khoa xã hội học
43	SOW3033	Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội (Research method for Social Work)	3	Đặng Kim Khánh Ly	ThS	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Nguyễn Hữu Quân	ThS	Công tác xã hội	Khoa xã hội học
44	SOW3034	Công tác xã hội với cá nhân (Social work with individuals)	3	Mai Thị Kim Thanh	GVC.TS	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Lương Bích Thủy	ThS	Công tác xã hội	Khoa xã hội học
45	SOW3035	Công tác xã hội với nhóm (Social work with groups)	3	Đặng Kim Khánh Ly	ThS	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Nguyễn Hữu Quân	ThS	Công tác xã hội	Khoa xã hội học

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	*Chức danh khoa học, học vị*	*Chuyên ngành đào tạo*	*Đơn vị công tác*
46	SOW3036	Tham vấn trong công tác xã hội (Couselling in social work)	3	Nguyễn Hồi Loan	PGS.TS.	Tâm lí học	Khoa xã hội học
				Trần Thị Minh Đức	GS.TS	Tâm lí học	
47	SOW3037	Thực hành công tác xã hội cá Nhân (Field Practice: working with individuals)	2	Mai Thị Kim Thanh	GVC.TS	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Bộ môn CTXH			Khoa xã hội học
48	SOW3038	Thực hành công tác xã hội Nhóm và cộng đồng (Field Practice: working with groups and communities)	4	Trịnh Văn Tung	PGS.TS	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Mai Tuyết Hạnh	ThS	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Đặng Kim Khánh Ly	ThS	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Bộ môn CTXH			Khoa xã hội học
49	SOW3039	An sinh xã hội (Social welfare)	2	Mai Tuyết Hạnh	ThS	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Mai Linh	ThS	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Bùi Thanh Minh	ThS	Công tác xã	Khoa xã hội học
50	SOW3046	Quản trị ngành công tác xã hội (Social work management)	3	Nguyễn Thị Kim Hoa	PGS.TS.	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Nguyễn Thu Trang	ThS	Công tác xã hội	Khoa xã hội học
51	SOW3049	Quản lí ca (Case management)	2	Nguyễn Thị Kim Hoa	PGS.TS	Xã hội học	Khoa xã hội học

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	*Chức danh khoa học, học vị*	*Chuyên ngành đào tạo*	*Đơn vị công tác*
				Nguyễn Hồi Loan	PGS.TS.	Tâm lí học	Khoa xã hội học
				Lương Bích Thủy	ThS	Công tác xã hội	Khoa xã hội học
52	SOW3041	Công tác xã hội với người khuyết tật (Social work with people with disability)	2	Nguyễn Thị Thu Hà	PGS.TS.	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Lương Bích Thuỷ	ThS	Công tác xã hội	Khoa xã hội học
				Nguyễn Hữu Quân	ThS	Công tác xã hội	Khoa xã hội học
53	SOW3044	Chăm sóc sức khỏe tâm thần (Mental health care)	2	Nguyễn Hồi Loan	PGS.TS.	Tâm lí học	Khoa xã hội học
				Trần Thu Hương	TS	Tâm lí học	
				Nguyễn Thu Trang	ThS	Công tác xã hội	Khoa xã hội học
54	SOW3043	Công tác xã hội với trẻ em (Social work with children)	3	Mai Thị Kim Thanh	GVC.TS	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Lương Bích Thủy	ThS	Công tác xã hội	Khoa xã hội học
55	SOW3022	Công tác xã hội trong trường học (School social work)	2	Nguyễn Như Trang	TS	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Đinh Phương Linh	ThS	Xã hội học	Khoa xã hội học
56	SOW3047	Công tác xã hội trong bệnh viện (Social work in hospital)	3	Lương Bích Thủy	ThS	Công tác xã hội	Khoa xã hội học
				Đặng Kim Khánh Ly	ThS	Xã hội học	Khoa xã hội học
57	SOW3019	Công tác xã hội với người cao tuổi (Social work with elderly)	2	Nguyễn Thị Kim Hoa	PGS.TS	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Mai Tuyết Hạnh	ThS	Xã hội học	Khoa xã hội học

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	*Chức danh khoa học, học vị*	*Chuyên ngành đào tạo*	*Đơn vị công tác*
58	SOW3 020	Công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn (Social work with disable behavior)	2	Nguyễn Thị Như Trang	TS	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Trần Xuân Hồng	ThS	Xã hội học	Khoa xã hội học
59	SOW3 042	Đạo đức nghề nghiệp (Code of ethics in social work)	2	Nguyễn Thị Kim Hoa	PGS.TS.	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Bùi Thanh Minh	ThS	Công tác xã hội	Khoa xã hội học
60	*SOW3 040*	Công tác xã hội với nhóm ma túy, mại dâm và HIV (Social work with people affected by	3	Nguyễn Hồi Loan	PGS.TS.`	Tâm lí học	Khoa xã hội học
		drugs, HIV/AIDS and prostitution groups)		Đinh Phương Linh	ThS	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Hoàng Thu Cúc	ThS	Xã hội học	Khoa xã hội học
61	SOW3 048	Công tác xã hội trong lĩnh vực Bình đẳng giới và Phòng chống bạo lực gia đình (Social work with gender equality, domestic violence prevention)	2	Nguyễn Thị Kim Hoa	PGS.TS	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Đinh Phương Linh	ThS	Xã hội học	Khoa xã hội học
62	SOW4 054	Kiến tập (Field work)	3	Khoa Xã hội học			Khoa xã hội học
63	SOW4 051	Thực tập tốt nghiệp (Internship)	5	Khoa Xã hội học			Khoa xã hội học
64	SOW4 052	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation thesis)	5	Khoa Xã hội học			Khoa xã hội học

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	*Chức danh khoa học, học vị*	*Chuyên ngành đào tạo*	*Đơn vị công tác*
65	SOW4055	Thiết kế nghiên cứu trong công tác xã hội (Research design in social work)	2	Nguyễn Thị Thu Hà	PGS.TS	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Đặng Kim Khánh Ly	ThS	Xã hội học	Khoa xã hội học
66	SOW4056	Thiết kế can thiệp trong công tác xã hội (Design of intervention in social work)	3	Trịnh Văn Tùng	PGS.TS	Xã hội học	Khoa xã hội học
				Nguyễn Thu Trang	ThS	Xã hội học	Khoa xã hội học
		Tổng cộng	**123**				

5.Hướng dẫn chương trình đào tạo *(tiến trình đào tạo)*

a. Tiến trình đào tạo

Học kỳ 1.

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết/tuần	Tiên quyết	Học phần học trước
M.I	***Bắt** buộc*					
1	PHI1004	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 1	2	2		
2	INT1004	Tin học cơ sở	3	3		
MII	***Bắt buộc***					
3	PSY1051	Tâm lí học đại cương	3	3		
4	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		
5	SOC1051	Xã hội học đại cương	3	3		
6	SOW1100	Công tác xã hội đại cương	3	3		

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết/tuần	Tiên quyết	Học phần học trước
M.II	***Tự chọn***					
7		Chọn một học phần	2	2		
		Tổng cộng	**19**			

Học kỳ 2

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết/tuần	Tiên quyết	Học phần học trước
M I	***Bắt buộc***					
8	PHI1005	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 2	3	3	PHI1104	PHI1004
M.II	***Bắt buộc***					
9	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3		
10	PHI1054	Logic học đại cương	3	3		
M.II	***Tự chọn***					
11	EVS1001	Chọn một học phần	2	2		
M. IV		***Bắt buộc***				
12	SOW2004	Hành vi con người và môi trường xã hội	3	3		
13	SOW1102	Phát triển cộng đồng	3	3		
M.IV		***Tự chọn***				
14		Chọn một học phần	2	2		
		Tổng cộng	**19**			

Học kỳ 3

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết/tuần	Tiên quyết	Học phần học trước
M.I	***Bắt buộc***					
15	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		
M.II	***Bắt buộc***					
16	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3		
17	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2	PHI1004	PHI1004
M.III	***Bắt buộc***					
18	PHI1101	Tôn giáo học đại cương	3	3		
M.V	***Bắt buộc***					
19	SOC3055	Thực hành nghiên cứu xã hội	2	2	SOC1051	SOC1051
20	SOW3041	Công tác xã hội với người khuyết tật	2		SOW3032 SOW3033	SOW3032 SOW3033
		Tổng cộng	**17**			

Học kỳ 4

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết/tuần	Tiên quyết	Học phần học trước
M I	**Bắt buộc**					
21	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	PLO1001	PLO1001
M II	***Tự chọn***					
22		Chọn một học phần	2	2		
M III	***Bắt buộc***					

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết/tuần	Tiên quyết	Học phần học trước
23	PSY2023	Tâm lí học xã hội	3	3	PSY1050	PSY1050
M.III	***Tự chọn***					
24		Chọn một học phần	2	2		
M.IV		***Bắt buộc***				
25	PSY1150	Tâm lí học phát triển	3	3	PSY1051	PSY1051
M.V	***Bắt buộc***					
26	SOW3036	Tham vấn trong công tác xã hội	3	3		
		Tổng	**16**			

Học kỳ 5

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết/tuần	Tiên quyết	Học phần học trước
M.III	***Bắt buộc***					
27	ANT1100	Nhân học đại cương	3	3		
M.IV	***Tự chọn***	***Tự chọn***				
28		Chọn một học phần	3	3		
M.V	***Bắt buộc***	***Bắt buộc***				
29	SOW3034	Công tác xã hội với cá nhân	3	3	SOW3032 SOW3033	SOW3032 SOW3033
30	SOW3050	Thực hành công tác xã hội cá nhân	2	2	SOC3034 SOW3032 SOW3033	SOC3034 SOW3032 SOW3033
31	SOW3051	Thực hành công tác xã hội Nhóm và cộng đồng	5	5	SOW1102 SOW3032 SOW3033	SOW1102 SOW3032 SOW3033
32	SOW3052	An sinh xã hội	2		SOW3032 SOW3033	SOW3032 SOW3033

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết/tuần	Tiên quyết	Học phần học trước
		Tổng cộng	***18***			

Học kỳ 6

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết/tuần	Tiên quyết	Học phần học trước
M.V		***Bắt buộc***				
33	SOW3033	Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội	3	3	SOW1100	SOW1100
34	SOW3035	Công tác xã hội với nhóm	3	3	SOW3032 SOW3033	SOW3032 SOW3033
35	SOW3046	Quản trị ngành công tác xã hội	3	3	SOW3032 SOW3033	SOW3032 SOW3033
36	SOW3049	Quản lí ca	2	2	SOW3032 SOW3033	SOW3032 SOW3033
M.V	Tự chọn					
37		Chọn một học phần	3	3	SOW3032 SOW3033	SOW3032 SOW3033
VI	**Bắt buộc**					
39	SOW4055	Thực tập phương pháp	3		SOW3032 SOW3033	SOW3032 SOW3033
		Tổng cộng	**17**			

Học kỳ 7

TT	Mã học phần	Khối kiến thức ngành và bổ trợ	Số TC	Số tiết/tuần	Tiên quyết	Học phần học trước
M.V	***Bắt buộc***					
40	SOW3044	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	2	SOW3032 SOW3033	SOW3032 SOW3033
M.V	***Tự chọn***					
41		Chọn một học phần	3	3	SOW3032 SOW3033	SOW3032 SOW3033
M.VI	Bắt buộc					
42	SOW4057	**Kiến tập**	3	3	SOW3032 SOW3033	SOW3032 SOW3033
		Tổng cộng	**8**			

Học kỳ 8

VI		**Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp**	**13**			
43	SOW4052	Thực tập tốt nghiệp	5		SOW4057	SOW4057
44	SOW4053	Khóa luận tốt nghiệp	5			
45		*Các môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp*	*5*	***5***	SOW3032 SOW3033	SOW3032 SOW3033
		Tổng cộng	**10**			

b. Các yêu cầu thực hiện chương trình:

- Việc học ngoại ngữ ở khối kiến thức chung theo thời khóa biểu của nhà trường tổ chức là bắt buộc nếu Sv không có chứng chỉ ngoại ngữ đạt chuẩn theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Điều kiện để SV đăng kí học phần ngoại ngữ chuyên ngành là SV phải hoàn thành kiến thức ngoại ngữ cơ sở theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Điều kiện để SV được phân theo chuyên ngành: Không có.

- Điều kiện để SV đăng kí các học phần thực tập:

+ Thực tập phương pháp theo hình thức tập trung (03 TC): SV phải hoàn thành toàn bộ các học phần của 06 học kì đầu.

+ Thực tập tốt nghiệp theo hình thức cá nhân tự liên hệ (05 TC): SV phải hoàn thành toàn bộ các học phần của 07 học kì đầu.

- Các học phần có yêu cầu sử dụng phần mềm chuyên ngành trong học tập: 01 học phần là *Sử dụng phần mềm xử lí dữ liệu* (SOC1100).

c. Một số hướng dẫn khác

- SV cần tìm hiểu kĩ mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo này để tăng cường đam mê và động cơ học tập.

- SV cần tìm hiểu kĩ các vị trí việc làm và các lĩnh vực nghề nghiệp để xác định khối kiến thức và kĩ năng cần thiết cần học tập và rèn luyện để hội nhập nhanh và tốt vào thị trường lao động.

- Trong 04 học kì đầu, SV nên đăng kí số tín chỉ như trong tiến trình này (18-19 tín chỉ) và trong các học kì 5,6 và 7, SV nên đăng kí 16 TC và đối với học kì sau cùng, SV nên đăng kí 8 tín chỉ. Lưu ý: Đối với những sinh viên đủ khả năng, có kết quả học tốt ở 4 học kì đầu, có thể đăng kí từ 19-24 tín chỉ ở các học kì 5,6 và 7 để tốt nghiệp sớm.

- Các học phần quan trọng của mỗi học kì có khả năng ảnh hưởng đến tiến trình học tập: SV cần lưu ý các học phần tiên quyết.

- Sinh viên nên học giáo dục quốc phòng vào dịp hè sau học kì thứ 2 và học kì thứ 4.

- Chỉ nên học vượt khi đã tích lũy các học phần đại cương, lịch sử, lí thuyết và phương pháp của ngành.

6. So sánh chương trình đã xây dựng với một chương trình tiên tiến của nước ngoài (đã sử dụng để xây dựng chương trình)

6.1. Giới thiệu về chương trình được đối chiếu

- Tên trường: Trường đào tạo CTXH, McGill University, Canada
- Tên chương trình (tên ngành/chuyên ngành): Công tác xã hội (Social work)
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Cử nhân CTXH (Bachelor of Social work)
- Xếp hạng của trường (không có xếp hạng của ngành CTXH): 15/200
- Tổng số môn học của trường: 30 môn. Số tín chỉ của chương trình: 90 (TC)
- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Số môn của giống với các môn trong khối kiến thức ngành CTXH: 15 môn
- Tỉ lệ các môn học trong khung chương trình đào tạo cử nhân ngành CTXH giống với các môn học trong khung chương trình đào tạo ngành CTXH của Đại học McGill, Canada là 50%. Cụ thể như sau:

6.2 So sánh giữa các môn học của chương trình cử nhân CTXH chuẩn đầu ra Trường ĐKHXH&NV với các môn học thuộc ngành CTXH của các trường đại học tiên tiến trên thế giới

So sánh nội dung chương trình 15 môn học giữa Đại học McGill University với các môn học trong chương trình đào tạo theo CĐR ngành CTXH (chỉ tính các môn liên quan đến nội dung chuyên ngành CTXH)			
Tên môn học	**Tên môn học trong chương trình đào tạo nước ngoài**	**Tóm tắt nội dung môn học**	**Sự giống và khác nhau giữa 2 môn học**
Lí thuyết công tác xã hội *Social Work Theory*	Social theory and Practice *Lí thuyết và thực hành CTXH*	Cung cấp cho người học các lí thuyết nền tảng cơ bản và việc ứng dụng trong thực hành	***Giống :*** Học phần này giúp người học được tiếp cận những lí thuyết khác nhau của chuyên ngành công tác xã hôi, trọng tâm là lí thuyết tâm động học, lí thuyết định hướng xã hội, lí thuyết hành vi, lí thuyết hệ thống và sinh thái , lí thuyết sinh tồn và nhân văn, lí thuyết cấp tiến Mác xít…và một số lí thuyết liên quan đến Công tác xã hội như lí thuyết chức năng, lí thuyết xung đột, lí thuyết tương tác biểu trưng, lí thuyết lựa chọn hợp lí trong Công tác xã hội và tâm lí học. ***Khác :*** Trọng tâm vào vấn đề giới thiệu và giải thích các lí thuyết theo hướng hàn lâm là chủ yếu
Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội. *Social work Research Methods*	Social Work Research *Nghiên cứu CTXH*	Cung cấp cho người học kiến thức về các phương pháp cơ bản trong thiết kế nghiên cứu và áp dụng vào thực hành CTXH	***Giống*** : Học phần này nhằm giúp người học hiểu về các phương pháp được áp dụng trong nghiên cứu công tác xã hội và phương pháp can thiệp, tác động đến đối tượng của ngành học ***Khác*** : Liên hệ thực tiễn với Việt Nam

Công tác xã hội với cá nhân *Social Work with Individuals*	Practice with Individuals and Families *Thực hành với cá nhân và gia đình*	Giúp người học nắm và áp dụng các kỹ năng và phương pháp làm việc với cá nhân và gia đình	***Giống :*** Giới thiệu cho người học mục đích, vị trí, vai trò và nội dung của phương pháp Công tác xã hội với cá nhân, lịch sử hình thành và phát triển của phương pháp này, quan hệ giữa nhân viên Công tác xã hội với khách hàng (thân chủ). Người học hiểu rõ các nguyên tắc và quy trình của phương pháp, được trang bị một số kỹ năng riêng của công tác xã hội với cá nhân (với từng loại thân chủ cụ thể). ***Khác :*** Chỉ giới hạn trong lĩnh vực cá nhân
Công tác xã hội với nhóm *Social Work with Groups*	Intro to Practice with Groups *Nhập môn về Thực hành CTXH với nhóm*	Giúp người học nắm và áp dụng các kỹ năng và phương pháp làm việc với nhóm	***Giống:*** Giới thiệu cho người học khái niệm nhóm trong công tác xã hội, công tác xã hội nhóm, mục đích, nội dung phương pháp công tác xã hội với nhóm, bước đầu vận dụng kiến thức và kỹ năng về năng động nhóm, vai trò cán bộ xã hội tác động vào tiến trình nhóm. ***Khác:*** Liên hệ với các nhóm đặc thù tại Việt Nam
Phát triển cộng đồng Community Development	Community Development Phát triển cộng đồng	Giúp người học nắm và vận dụng các phương pháp về mặt lí thuyết, bắt đầu có những khái niệm về thực hành ban đầu trong lĩnh vực phát triển cộng đồng	***Giống*** : Trên cơ sở những phương pháp, kỹ năng công tác xã hội, người học thực hành việc nghiên cứu, phân tích, tổ chức, xây dựng kế hoạch, nhằm hỗ trợ, phục hồi các chức năng xã hội, khơi dậy tiềm năng và thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng. ***Khác :*** Liên hệ thực tiễn tại Việt Nam

Thực hành công tác xã hội cá nhân *Social work Practice with Individuals and Groups*	Field Practice *Thực hành, thực địa*	Hướng tới việc cho sinh viên trải nghiệm các cấu trúc về thực hành tại cơ sở xã hội, kết hợp và ứng dụng giữa lí thuyết và thực hành. Đồng thời kết hợp với những kỹ năng thực hành đầu tiên với cá nhân, gia đình và nhóm	***Giống*** : Sinh viên thực hành về phương pháp Công tác xã hội cá nhân tại một số cơ sở hoạt động Công tác xã hội, các trung tâm bảo trợ, thực hành xã hội khác. Tại đây người học được trực tiếp vận dụng các kiến thức đã học vào việc phát hiện và giải quyết các vấn đề của từng cá nhân và các nhóm xã hội yếu thế. ***Khác*:** Trong quan niệm của Illnois gia đình được coi như nhóm đặc thù
Thực hành công tác xã hội với nhóm và cộng đồng *Social Work Practice with group and community*	Approaches to Community Prac Phương pháp *Thực hành với cộng đồng*	Ứng dụng các kỹ năng và lí thuyết vào thực hành phát triển cộng đồng	***Giống*** :Trên cơ sở những phương pháp, kỹ năng công tác xã hội, người học thực hành việc nghiên cứu, phân tích, tổ chức, xây dựng kế hoạch, nhằm hỗ trợ, phục hồi các chức năng xã hội, khơi dậy tiềm năng và thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng. ***Khác :*** Liên hệ thực tiễn tại Việt Nam
Đạo đức nghề nghiệp *Ethics in Social Work*	Critical Thought & Ethics in SW *Lí luận phê bình và đạo đức trong CTXH*	Cung cấp cho sinh viên các hiểu biết về tư tưởng cũng như các quy điều đạo đức trong quá trình làm việc	***Giống:*** Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu biết về các quy điều đạo đưc, các nguyên tắc cơ bản của nghề nghiệp trong nghiên cứu, thực hành CTXH. Từ đó, hình thành các phẩm chất chuyên nghiệp trong quá trình làm việc sau này ***Khác:*** Liên hệ trực tiếp với Việt Nam

		cũng như thực hành CTXH	
Chăm sóc sức khỏe tâm thần *Mental Health Care*	Mental Health and Illness *Sức khỏe tâm thần và các loại bệnh*	Trang bị cho người học các hiểu biết và kỹ năng tổng quát về sức khỏe tâm thần và các bện liên quan đến tâm thần. Xây dựng nền tảng cho việc hình thành định hướng thực hành cũng như nghiên cứu trong tương lai	***Giống:*** Học phần giới thiệu cho người học các hiểu biết và kỹ năng cơ bản trong đánh giá, tiếp xúc cũng như làm việc với lĩnh vực sức khỏe tâm thần. ***Khác***: Liên hệ thực tiễn tại Việt Nam
Công tác xã hội với người nghèo *Social work with Poverty*	Poverty and Inequality *Nghèo đói và bất bình đẳng*	Cung cấp cho người học các tri thức về nghèo đói và bất bình đẳng ảnh hưởng tới cơ hội tiếp cận của các cá nhân trong xã hội.	***Giống:*** Nâng cao nhận thức của người học về nhóm người nghèo hiện nay, các nguyên nhân dẫn đến nghèo đói, biểu hiện hiện cụ thể của sự nghèo đói trong đời sống các cá nhân, nhóm đối tượng. Người học vận dụng phương pháp, kỹ năng CTXH giúp cá nhân, nhóm khơi dậy tiềm năng, cùng sự hỗ trợ của cộng đồng hướng đến mục tiêu xoá đói, giảm nghèo. ***Khác:*** Liên hệ thực tiễn tại Việt Nam

Quản trị ngành công tác xã hội *Social Work Administration*	Social Policy& Administration *Chính sách xã hội và quản trị*	Cung cấp cho người học các hiểu biết chung về quản trị, quản lí các chương trình trong cung cấp dịch vụ CTXH và các chính sách xã hội	***Giống***: Giúp người học hiểu khái niệm Quản trị và Quản trị công tác xã hội, hiểu rõ nhân viên Công tác xã hội cũng cần có những kiến thức và kỹ năng quản lí như cán bộ của mọi ngành khác. Người học nắm được các biện pháp quản trị hệ thống dịch vụ CTXH và lồng ghép vào chính sách xã hội ***Khác***: Liên hệ thực tiễn tại Việt Nam
Thực tập theo chuyên ngành *Method Practicum*	Advanced Field Practice 1 *Thực hành nâng cao 1*	Giúp người học trải nghiệm sâu hơn các vấn đề trong quá trình thực hành và nghiên cứu. Các kết quả có thể phát triển thành thực hành chuyên nghiệp hoặc các nghiên cứu phục vụ cho tốt nghiệp	***Giống:*** Học phần này giúp người học nắm vững các phương pháp triển khai và ứng dụng những kiến thức lí thuyết đã học để can thiệp các đối tượng xã hội khác nhau. Đồng thời, giúp người học nắm vững chu trình hoàn chỉnh của một ca can thiệp trong công tác xã hội chuyên nghiệp, từ tiếp cận khách hàng, đánh giá vấn đề của khách hàng, lên kế hoạch, thiết lập hợp đồng/thoả thuận, cho tới can thiệp, lượng giá và kết thúc. Nhấn mạnh đến xây dựng các kỹ năng thực hành ***Khác****:* Các đối tượng can thiệp thực tế tại Việt Nam

Thực tập tốt nghiệp *Graduation Practice*	Advanced Field Practice *Thực hành nâng cao 2*	Tiến hành các nghiên cứu độc lập theo nhóm hoặc cá nhân	***Giống:*** Trên cơ sở những tri thức về công tác xã hội, đặc biệt với kết quả thu được trong quá trình thực hành kỹ năng với cá nhân, nhóm, cộng đồng, người học phải phân tích, tổng hợp, lựa chọn một đề tài nghiên cứu cụ thể và tiếp tục thực hiện đề tài dưới sự hướng dẫn của giáo viên trên địa bàn và nhóm đối tượng mà người học lựa chọn. Giúp người học biết thiết kế một đề cương nghiên cứu (cơ bản hoặc can thiệp), triển khai nghiên cứu, báo cáo và trình bày kết quả ***Khác****:* Các đối tượng can thiệp thực tế tại Việt Nam
Thiết kế nghiên cứu trong CTXH *Research Design in Social work*	Social Work Research *Nghiên cứu CTXH*	Cung cấp cho sinh viên các hiểu biết nền tảng, các kỹ năng cơ sở để hiểu và có thể thiết lập các nghiên cứu CTXH theo yêu cầu cũng như các nghiên cứu độc lập	***Giống :*** Cung cấp cho sinh viên các hiểu biết nền tảng, các kỹ năng cơ sở để hiểu và có thể thiết lập các nghiên cứu CTXH theo yêu cầu cũng như các nghiên cứu độc lập. ***Khác*** : Liên hệ trực tiếp với Việt Nam, phương pháp áp dụng có sự linh động với sự nhạy cảm văn hóa Việt Nam
Công tác xã hội trong lĩnh vực Bình đẳng giới và Phòng chống bạo lực gia đình *Social work in the field of Gender Equality and Prevention of Domestic Violence*	Anti-Oppression SW Practice *Thực hành CTXH trong lĩnh vực chống áp bức, bạo lực*	Cung cấp cho người học các tri thức về chống áp bức trên cơ sở bình đẳng giới. Các hình thức bạo lực có thể xảy ra trong xã hội và bạo lực gia đình	***Giống:*** cung cấp cho người học các kiến thức để thực hành và làm việc trong lĩnh vực bình đẳng giới, các vấn đề liên quan đến giới và phòng chống bạo lực gia đình. ***Khác:*** Liên hệ thực tiễn tại Việt Nam

Để đảm bảo tính hiện đại, có thể đáp ứng yêu cầu liên thông trong quá trình đào tạo cử nhân ngành CTXH tại Trường ĐHKHXH&NV, những môn học còn lại trong khung chương trình đào tạo cử nhân ngành CTXH theo CĐR không trùng với các môn học trong Khung chương trình của Đại học McGill University, chúng tôi so sánh với các môn học trong khung chương trình của các Đại học khác thuộc Top 200 trường đại học hàng đầu thế giới. Cụ thể các so sánh như sau:

Tên môn học	*Tên môn học trong chương trình đào tạo nước ngoài*	*Tên trường đại học tham khảo*	*Bảng xếp hạng, trường, ngành*	*Tóm tắt nội dung môn học*	*Sự giống và khác nhau giữa 2 môn học*
Tham vấn trong công tác xã hội *Counselling in Social work*	Crisis Counselling *Tham vấn khủng hoảng*	Darlhouse University	**Xếp hạng 226 thế giới**	Trang bị cho người học các kỹ năng và kiến thức cơ bản trong tham vấn can thiệp khủng hoảng tâm lí	***Giống*** : Học phần này giới thiệu với sinh viên một số khái niệm cơ bản về tham vấn, một số phương pháp và kỹ năng tham vấn cơ bản, các bước và các giai đoạn trong quá trình tham vấn. Đồng thời giúp sinh viên nắm vững các nguyên tắc trong tham vấn, các phẩm chất đạo đức cơ bản của nhà tham vấn. ***Khác*** : Tham vấn trong công tác xã hội nhấn mạnh đến các kỹ năng và kiến thức tổng quát chung

An sinh xã hội *Social Welfare*	Social Welfare Policy and Services *Chính sách an sinh và dịch vụ xã hội*	Loyola University Chicago	**151/200**	Tìm hiểu về cấu trúc, triết lí vận hành của hệ thống An sinh xã hội Mỹ. Phân tích và hiểu được các giá trị cũng như sự quan tâm của xã hội Mỹ về Phúc lợi xã hội và An sinh Xã hội	***Giống****:* Học phần giúp người học tiếp cận khái niệm khoa học về vấn đề xã hội và An sinh xã hội. Từ đó hình thành bộ máy an sinh xã hội nhằm không chỉ giải quyết mà còn phòng ngừa cũng như giảm thiểu tác hại của các vấn đề xã hội bằng các hoạt động phát triển xã hội. ***Khác:*** Điều kiện hình thành môn học ở 2 xã hội là khác nhau
Công tác xã hội với nhóm ma túy, mại dâm và HIV *Social work with groups of Addicted, Prostituties and infected by HIV*	Fields of Practice (*là một phần nằm trong hệ thống hợp phần thực hành của trường)*	Indiana University	**101/200**	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành đặc thù	***Giống:*** Trên cơ sở nhận thức rõ các loại đối tượng và nguyên nhân dẫn đến ma tuý, mại dâm, và HIV, người học tiếp cận và thực hiện các phương pháp, kỹ năng nghề nghiệp nhằm giúp đỡ cá nhân , nhóm đối tượng lấy lại lòng tin, thức dậy tiềm năng, xoá bỏ mặc cảm, trở lại hội nhập với gia đình và cộng đồng ***Khác***: Ứng dụng tại Việt Nam, Fields of Practice có quy mô rộng hơn với những nhiều nhóm đối tượng

Công tác xã hội với người khuyết tật *Social Work with People with Disability*	Chronic Illness & Disability *Các loại bệnh mãn tính và khuyết tật*	Rutgers University – The State University of New Jersey	**23/200**	Cung cấp thông tin về các loại khuyết tật và bệnh mãn tính, chú trọng nâng cao hiểu biết về cách nhân viên công tác xã hội làm việc với thân chủ trong hệ thống chăm sóc sức khỏe và các hệ thống cộng đồng; rà soát các chính sách và hệ thống an sinh để hỗ trợ người khuyết tật và bệnh nhân mãn tính	***Giống***: Học phần này chú trọng tới các kiến thức và kỹ năng đặc biệt trong CTXH để giúp người học xây dựng được các kế hoạch can thiệp cụ thể, tăng cường năng lực tự giải quyết được vấn đề của bản thân người khuyết tật và hỗ trợ họ hòa nhập gia đình cũng như xã hội. Người học cũng nắm được các biện pháp xây dựng kế hoạch can thiệp và chính sách của nhà nước đối với người khuyết tật ***Khác:*** Liên hệ trực tiếp với Việt Nam
Công tác xã hội với trẻ em	Child Welfare	Texas State University	**151/200**	Cung cấp cho sinh viên các hiểu biết về những dịch vụ	***Giống:*** Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đối tượng trẻ em nhất là trẻ em nghèo, có hoàn cảnh khó khăn,

Social Work with Children	*An sinh xã hội cho trẻ em*			an sinh xã hội dành cho trẻ em trong các trường hợp bị bạo hành, bỏ rơi, lạm dụng tại nhà. Nhấn mạnh vào sự can thiệp của CTXH đối với trẻ và gia đình	thiệt thòi,.... Môn học cũng cung cấp cho người học các kỹ năng hỗ trợ và can thiệp đối với đối tượng đặc thù này ***Khác***: **Children welfare** chú trọng vào các chính sách cung cấp dịch vụ an sinh xã hội cho trẻ em
Công tác xã hội trong trường học *Social Work in School*	Fields of Practice (là một phần nằm trong hệ thống hợp phần thực hành của trường)	Indiana University	**101/200**	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành đặc thù trong trường học	***Giống:*** Học phần giới thiệu cho người học hiểu rõ vị trí, vai trò của CTXH trong trường học, nhất là phối hợp với gia đình, cộng đồng, nhà trường trong việc hỗ trợ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt được hưởng những quyền lợi trong giáo dục và được bình đẳng trong giáo dục. ***Khác:*** Ứng dụng tại Việt Nam, Fields of Practice có quy mô rộng hơn với những nhiều nhóm đối tượng

Công tác xã hội trong bệnh viện *Social Work in Hospital*	Social Work and Health Care *Công tác xã hội và chăm sóc sức khỏe*	Texas State University	**151/200**	Cung cấp các tri thức tổng quát về các lĩnh vực sức khỏe tâm thần, y tế công cộng đặc biệt là trong bệnh viện. các vấn đề xã hội ảnh hưởng đến chăm sóc sức khỏe và các chiến lược can thiệp hiệu quả	***Giống***: Cung cấp cho người học những kiến thức, thái độ và kỹ năng để làm việc với đối tượng đặc thù của mình là bệnh nhân trong bệnh viện. Người học được tham gia cộng tác với cán bộ y tế trong bệnh viện để hỗ trợ, giúp đỡ bệnh nhân chữa bệnh tốt hơn và giải quyết những vấn đề làm rối loạn chức năng xã hội của bệnh nhân trong phạm vi chuyên môn của mình ***Khác:*** Mang tính mở rộng và phổ quát hơn trong lĩnh vực chăm sóc Y tế tại Mỹ
Công tác xã hội với người cao tuổi *Social Work with Older Adults*	Social Work with Older Adults *CTXH với người cao tuổi*	Texas State University	**151/200**	Cung cấp những tri thức tổng quát về các vấn đề, giá trị ảnh hướng tới người cao tuổi và tiếp cận với các chiến lược can thiệp hiệu quả cũng như các dịch vụ hỗ trợ cần thiết	***Giống***: Học phần này giới thiệu cho người học rõ người cao tuổi là một trong những đối tượng của ngành CTXH, làm rõ vị trí, vai trò của người cao tuổi trong cộng đồng, xã hội, quan hệ người cao tuổi với các thế hệ trong gia đình, trong xã hội. Mặt khác ngành CTXH còn có chức năng phát huy vai trò của các cộng đồng, các tổ chức xã hội đối với người cao tuổi. ***Khác:*** Liên hệ với vấn đề của người cao tuổi tại Việt Nam

Công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn *Social Work with Deviant Behaviours*	Social Work and the Law *CTXH và pháp luật*	Maryland University	**32/200**	Cung cấp các tri thức tổng quát về pháp luật với CTXH. Các đối tượng trong đó có nói đến hành vi lệch chuẩn, vi phạm pháp luật. Các chế tài cũng như pháp lí hỗ trợ ra sao	***Giống***: Học phần này giới thiệu cho người học rõ về các khái niệm, các nguyên nhân và một số biểu hiện cụ thể của hành vi lệch chuẩn. Người học có thể vận dụng một số phương pháp và kỹ năng công tác xã hội để can thiệp, giúp đỡ các cá nhân, nhóm có hành vi lệch chuẩn điều chỉnh hành vi, hoà nhập cộng đồng. ***Khác***: Social Work and the Law đặt trọng tâm vào các vấn đề pháp lí và hành vi phạm pháp.
Khóa luận tốt nghiệp *Graduation Thesis*	Social Work Thesis *Khóa luận*	Melbourne University.	**20/200**	Lựa chọn một vấn đề quan tâm và tiến hành nghiên cứu theo các mẫu quy định	***Giống:*** Đây là môn học tổng hợp và độc lập. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, mỗi sinh viên lựa chọn một địa bàn, một đối tượng để nghiên cứu và viết khóa luận tốt nghiệp ***Khác:*** Liên hệ thực tiễn tại Việt Nam
Thiết kế can thiệp trong công tác xã hội (Design of an intervention in Social work)	Social work Programming *Xây dựng chương trình trong CTXH*	Melbourne University	**20/200**	Trọng tâm vào việc giúp sinh viên hiểu, có kỹ năng đánh giá và xây dựng các chương trình. Đồng thời ứng dụng trong các chương trình can thiệp của công tác xã hội	***Giống****:* Có sự tương đồng về mặt thuật ngữ cũng như nội dung trong việc hướng dẫn người học cách nhận biết và thiết lập được các chương trình, dự án để giải quyết vấn đề xã hội ***Khác****:* Xây dựng và quản lí dự án trọng tâm vào việc Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, tổng hợp về xây dựng dự án, thực hiện dự án tại cộng đồng; từ việc xác định những vấn đề cơ bản trong việc xây dựng-thiết kế dự án, quản lí dự án đến việc

					đưa ra các công cụ can thiệp phù hợp với các nhóm đối tượng khác nhau trong công tác xã hội

7. Tóm tắt nội dung học phần

1. Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (Phần 1)

- Mã học phần: PHI 1004
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết: không có
- Nội dung học phần: Học phần những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin phần 1 cung cấp cho người học hệ thống quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử về bản chất của thế giới, những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của thế giới vật chất; bản chất, nguồn gốc, kết cấu của ý thức và biện chứng của quá trình nhận thức; những quy luật khách quan chi phối sự vận động phát triển xã hội loài người. Từ đó giúp người học hình thành thế giới quan và phương pháp luận triết học khoa học, có khả năng vận dụng thế giới quan và phương pháp luận khoa học vào hoạt động nhận thức và thực tiễn trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

2. Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (Phần 2)

- Mã học phần: PHI 1005
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Phần 1) (PHI 1004)
- Nội dung học phần: Học phần Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin (phần 2) trình bày những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa qua việc nghiên cứu 3 học thuyết kinh tế: học thuyết về giá trị, học thuyết về giá trị thặng dư và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Các học thuyết này không chỉ làm rõ những quy luật kinh tế chủ yếu chi phối sự vận động của nền kinh tế thị trường, của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa mà còn là cơ sở quyết định sự vận động của những quan hệ, những quy luật chính trị - xã hội như quy luật về cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, về chính đảng của giai cấp công nhân, về cách mạng xã hội chủ nghĩa… Những quy luật kinh tế và quy luật chính trị - xã hội này luận giải tính tất yếu của sự sụp đổ chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Mã học phần: POL 1001
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (Phần 2) (PHI 1005)
- Nội dung học phần: Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về:

Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh;

Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội ở và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới;

Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Mã học phần: HIS 1002
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh (POL 1001)
- Nội dung học phần: Trình bày rõ bối cách lịch sử và sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; cung cấp những kiến thức cơ bản, với nguồn tư liệu xác thực đường lối

cách mạng của Đảng, bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị... của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới về một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội; Nêu lên những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm về xác đinh và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng để vận dụng sáng tạo vào giai đoạn cách mạng hiện tại vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

5. Tin học cơ sở

- Mã học phần: INT 1004
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: không có
- Nội dung học phần:

Phần 1: Tin học Đại cương: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở về thông tin, máy tính, phần mềm và các ứng dụng công nghệ thông tin; Cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng hệ điều hành, sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng và khai thác một số dịch vụ trên Internet.

Phần 2: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ: Hệ thống hóa và nâng cao kiến thức về cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ; rèn các kỹ năng sử dụng một hệ quản trị dữ liệu cụ thể; Giới thiệu lập trình quản lý thông qua macro và môđun đơn giản trong Visual Basic.

6. Cơ sở văn hóa Việt Nam

- Mã học phần: HIS 1056
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: không có
- Nội dung học phần: Cơ sở Văn hóa Việt Nam cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về văn hóa như: văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật. Những vấn đề liên quan đến hình thái, mô hình, cấu trúc và chức năng của văn hóa. Học phần cũng cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát, từ đó giúp người học có thể lý giải về các khía cạnh của văn hoá Việt Nam như: mối quan hệ giữa con người, môi trường tự nhiên, môi trường xã hội Việt Nam với văn hoá; những đặc trưng chung của quá trình giao lưu tiếp xúc văn hoá ở Việt Nam và những nét nổi bật của quá trình giao lưu tiếp xúc giữa văn hoá Việt Nam với văn hoá Trung Hoa, Ấn Độ, phương Tây.

Học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam cũng giới thiệu cho người học những thành tố cơ bản của văn hoá Việt Nam như ngôn ngữ, tôn giáo (Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo, Thiên chúa giáo), tín ngưỡng (tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ thành hoàng làng, tín ngưỡng thờ Mẫu), lễ hội…và diễn trình của lịch sử văn hóa Việt Nam (văn hóa Việt Nam thời tiền sơ sử, thiên niên kỷ đầu công nguyên, văn hóa Việt Nam thời tự chủ…). Những nét đại cương của không gian văn hóa Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hoá Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống và hội nhập, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.

7. Các phương pháp nghiên cứu khoa học

- Mã học phần: MNS1053
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: không có
- Nội dung học phần: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học, đặc điểm và sản phẩm của nghiên cứu khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học, xây dựng luận điểm khoa học, vai trò của luận điểm khoa học trong nghiên cứu khoa học, trình tự xây dựng luận điểm khoa học, giả thuyết khoa học, chứng minh luận điểm khoa học, các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu khoa học

(như nội quan, ngoại quan, phân tích, tổng hợp, định tính, định lượng, thống kê, xác suất, cấu trúc và hệ thống...), và trình bày luận điểm khoa học. Học phần đặt trọng tâm vào nội dung kỹ năng hình thành trình tự logic cho nghiên cứu, từ đó giúp sinh viên xây dựng nền tảng đầu tiên cho hoạt động nghiên cứu khoa học (tập sự nghiên cứu), biết xây dựng khung logc cho luận điểm khoa học, chứng minh luận điểm khoa học và trình bày luận điểm khoa học, viết tài liệu khoa học, thuyết trình khoa học. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự khác biệt về phương pháp thu thập thông tin giữa các khoa học giúp sinh viên không luyện tập về logic nghiên cứu mà còn định hình được sự lựa chọn phương pháp phù hợp cho nghiên cứu của bản thân. Bên cạnh việc rèn luyện kĩ năng làm đề cương nghiên cứu, học phần đặc biệt chú trọng đến nội dung của chương VIII về hình thành đạo đức khoa học trong cộng đồng nghiên cứu cũng như giới thiệu các phương thức kiểm soát xã hội nhằm hạn chế hiện tượng lệch chuẩn đạo đức khoa học.

8. Tâm lí học đại cương

- Mã học phần: PSY 1051
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: không có
- Nội dung học phần: Tâm lý học đại cương cung cấp cho người học những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng Tâm lý người; các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu Tâm lý; khái quát sự hình thành và phát triên Tâm lý người. Bên cạnh đó, Tâm lý học đại cương còn cung cấp các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; về nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

9. Logic học đại cương

- Mã học phần: PHI1054
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: không có
- Nội dung học phần: Lôgíc học là khoa học về các hình thức và quy luật của tư duy đúng đắn. Nội dung của học bao gồm các hình thức tồn tại của tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và các quy luật lô gích hình thức cơ bản của tư duy như Luật đồng nhất; Luật cấm mâu thuẫn; Luật bài trung; Luật lý do đầy đủ. nắm được các nội dung đó sinh viên hình dung được một cách cụ thể vai trò và tác động của tư duy lôgíc trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Phần bài tập và câu hỏi trên lớp giúp người học có khả năng tìm kiếm, nhận dạng và khắc phục những lỗi lôgíc của tư duy trong quá trình phản ánh, đồng thời xây dựng được phương pháp tư duy chính xác chặt chẽ, khoa học cho mình. Học phần không chỉ trang bị cho sinh viên những phương pháp tư duy đúng đắn để có thể phán ánh chân thực đối tượng ở trạng thái đứng im tương đối (mặt hình thức) của nó mà còn cung cấp những cơ sở và nền tảng cho một phương pháp tư duy đúng đắn nói chung, giúp người học có thể vận dụng nó trong việc lĩnh hội các khoa học khác và dùng nó trong hoạt động thực tiễn một cách có hiệu quả. Vì vậy, đây là môn học đã đang và nên là môn học phổ cập và bắt buộc đối với sinh viên ở giai đoạn đại cương trong tất cả các trường đại học.

10. Lịch sử văn minh thế giới

- Mã học phần: HIS1053
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: không có
- Nội dung học phần: Học phần giới thiệu sự hình thành và phát triển của văn minh nhân loại thông qua việc trình bày các nền văn minh tiêu biểu như (1) văn minh Ai Cập; (2) văn minh Lưỡng Hà ; (3) văn minh Trung Hoa ; (4) văn minh ấn Độ ; (5) văn minh A rập; (6) văn minh Đông Nam á; (7) văn minh Hy Lạp - La Mã; (8) văn minh Tây Âu trung đại; (9) văn minh công nghiệp; (10) văn minh thế kỷ XX... Đối với mỗi

nền văn minh, học phần giới thiệu và cung cấp kiến thức, thông tin về ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, môi trường xã hội-văn hóa tới sự hình thành và phát triển của các nền văn minh. Học phần trình bày khái quát những nét chủ yếu của tiến trình văn minh và những đóng góp tiêu biểu về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học –kỹ thuật, tôn giáo...

11. Nhà nước và pháp luật đại cương

- Mã học phần: THL 1057
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết: không có
- Nội dung học phần: Nhà nước và pháp luật đại cương là môn học bắt buộc được đưa vào chương trình giảng dạy nhiều năm nay ở các cơ sở đào tạo khác nhau. Đây là môn học nghiên cứu những vấn đề chung nhất và cơ bản nhất, mang tính toàn diện và hệ thống các tri thức về nhà nước và pháp luật, nghiên cứu bản chất, vai trò xã hội, qui luật phát sinh, tồn tại và phát triển của hai hiện tượng xã hội này. Ngoài ra nhà nước và pháp luật đại cương cũng nghiên cứu những nét cơ bản nhất về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Đây cũng là môn học nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống nhất các khái niệm, phạm trù, các nguyên tắc và các qui luật về nhà nước và pháp luật.

12. Xã hội học đại cương

- Mã học phần: SOC 1051
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: không có
- Nội dung học phần: Học phần được kết cấu thành 10 chương. Mười chương này tạo thành bốn nhóm nội dung. Nhóm nội dung thứ nhất bàn về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, điều kiện ra đời, của xã hội học, và mối quan hệ giữa nó và một số ngành khoa học khác. Nhóm nội dung thứ hai đề cập đến lịch sử và lý thuyết xã hội học. Nhóm nội dung thứ ba tập trung vào các phương pháp nghiên cứu xã hội học. Nhóm nội dung cuối cùng đề cập đến những chủ đề cơ bản trong xã hội học. Như vậy, kết cấu của học phần dựa trên lô gich: gắn kết lịch sử, lý thuyết với phương pháp nghiên cứu, và những chủ đề quan trọng của xã hội học.

13. Kinh tế học đại cương

- Mã học phần: INE 1014
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết: không có
- Nội dung học phần: Kinh tế học Đại cương là một môn học bổ trợ, thuộc khối kiến thức bổ trợ trong các chương trình đào tạo thuộc các khối ngành tự nhiên và xã hội - nhân văn. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về sự vận hành của nền kinh tế thị trường với 2 mảng kiến thức 1) Kinh tế học vi mô: giới thiệu một cách tổng quát cơ chế vận hành của một thị trường điển hình và hành vi lựa chọn của doanh nghiệp; 2) Kinh tế học vĩ mô: Trình bày những biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu và các yếu tố quyết định chúng qua một số mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản. Qua đó, người học có thể hiểu được tầm quan trọng của các chính sách kinh tế của Chính phủ trong việc điều tiết hoạt động của nền kinh tế.

14. Thống kê cho khoa học xã hội

- Mã học phần: MAT 1078
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết: không có
- Nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên một số kết quả cơ bản, đơn giản của Thống kê ứng dụng để xử lý hai đại lượng quan trọng, rất hay được dùng trong thực tế: tỷ lệ và trung bình. Đó là bài toán ước lượng tham số, kiểm định giả thiết liên

quan đến tỷ lệ, trung bình; so sánh hai giá trị trung bình, so sánh hai tỷ lệ, kiểm tra tính độc lập giữa hai đại lượng; tương quan và hồi quy giữa hai biến.

15. Thực hành văn bản tiếng Việt

- Mã học phần: LIN 1050
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết: không có
- Nội dung học phần: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: Tiếp nhận và soạn thảo văn bản tiếng Việt; Nhận diện và xây dựng đoạn văn tiếng Việt; Nhận diện và viết các loại câu tiếng Việt; Chữa các lỗi về câu; Các quy tắc dùng từ, hiểu các lỗi thông thường trong dùng từ và cách sửa chữa; Các quy tắc chính tả tiếng Việt; Các lỗi thông thường về chính tả.

16. Nhập môn Năng lực thông tin

- Mã học phần: LIB 1050
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết: không có
- Nội dung học phần: Năng lực thông tin giúp các cá nhân có thể xử lý, giải quyết và làm chủ các vấn đề liên quan đến khai thác và sử dụng thông tin trong bối cảnh bùng nổ thông tin và xã hội thông tin hiện nay. Cần lưu ý rằng, sự thành thạo về sử dụng công nghệ không đồng nghĩa với việc sử dụng và khai thác thông tin hiệu quả. Do đó, cần có những giải pháp để ứng phó và giải quyết những vấn đề do sự bùng nổ thông tin gây ra. Việc dễ dàng công bố, đăng tải, và truy cập thông tin, đặc biệt là thông tin trên Internet, khiến cho người sử dụng thông tin bị quá tải, dẫn đến gặp nhiều khó khăn trong việc xác định, lựa chọn, tìm kiếm và đánh giá các nguồn thông tin phù hợp, đáng tin cậy, phục vục cho các nhu cầu học tập, nghiên cứu và sinh sống. Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để giải quyết những nêu trên, giúp người học nâng cao hiệu quả học tập và chuẩn bị sẵn sàng cho khả năng học tập suốt đời.

17. Công tác xã hội đại cương

- Mã học phần: SOW 1100
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: không có
- Nội dung học phần: Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển Công tác xã hội trên Thế giới và Việt Nam.. Một số lĩnh vực nghiên cứu và kỹ năng thực hành cơ bản của CTXH cũng được giới thiệu nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp. Học phần cũng giới thiệu các kiến thức chung về các phương pháp nghiên cứu, các kỹ năng thực hành Công tác xã hội nhằm thực hiện các chức năng xã hội hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội. Đây cũng học phần mà những nội dung kiến thức vẫn mang tính chất mở kể cả cho người dạy và học tiếp tục nghiên cứu, phát hiện, bổ sung để ngày càng hoàn thiện về nhận thức cũng như kỹ năng nghề nghiệp CTXH. Nội dung học phần luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của con người với con người, với giai cấp, với dân tộc, sẵn sàng tham gia có hiệu quả vào sự nghiệp chống áp bức, giảm đói nghèo, vì sự tiến bộ và công bằng xã hội.

18. Nhân học đại cương

- Mã học phần: ANT 1100
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: không có

- Nội dung học phần: Môn Nhân học đại cương giới thiệu cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ngành Nhân học, giúp sinh viên trong qúa trình học phát triển các tri thức, cách tiếp cận phê phán về cuộc sống của chính văn hóa và xã hội mình và các xã hội, nền văn hóa khác trên thế giới. Tham gia môn học này, sinh viên sẽ được tìm hiểu về đối tượng nghiên cứu, sự phân ngành, lịch sử phát triển của ngành nhân học, các khái niệm cơ bản, các phương pháp nghiên cứu điền dã dân tộc học. Các bài giảng cũng bao quát một số chủ đề quan trọng của ngành học như: ngôn ngữ, chủng tộc, tộc người, giới và giới tính, gia đình và thân tộc, hôn nhân và cư trú, tôn giáo với những ví dụ minh họa từ Việt Nam và các nền văn hóa đa dạng trên thế giới. Hoàn thành môn học này, sinh viên có những tri thức cơ bản về ngành Nhân học, có thể áp dụng các tri thức và tiếp cận Nhân học vào nghiên cứu, công việc và cuộc sống.

19. Tôn giáo học đại cương

- Mã học phần: PHI1050
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: không có
- Nội dung học phần: Tôn giáo học là một khoa ngành học, song ở đây mới dừng lại ở chỗ coi nó là một môn học mang tính đại cương, do vậy nội dung của môn học mới chỉ dừng lại ở những vấn cơ bản và chung nhất của Tôn giáo học, cụ thể gồm:

1. Bản chất, nguồn gốc của tôn giáo
2. Kết cấu và chức năng xã hội hội của tôn giáo của tôn giáo hiện đại
3. Sự ra đời tôn giáo, các kiểu tôn giáo trong lịch sử, lí giải quá trình xuất hiện và sự phát triển của tôn giáo với một số kiểu, hình thức tôn giáo.
4. Tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam, tìm hiểu về một số hình thức tín ngưỡng tiêu biểu của người Việt và về đạo Cao Đài, đạo Hòa Hảo.
5. Phật giáo và Phật giáo ở Việt Nam, tìm hiểu sự ra đời, giáo lí cơ bản của đạo Phật. Sự du nhập và phát triển của Phật giáo ở Việt Nam qua một số thời kỳ lịch sử.
6. Kitô giáo và Kitô giáo ở Việt Nam, tìm hiểu sự ra đời, giáo lí cơ bản của đạo Kitô, sự phân hóa trong đạo Kitô. Sự du nhập và phát triển của Kitô giáo (Công giáo, Tin Lành) ở Việt Nam qua một số thời kỳ lịch sử.
7. Islam và Islam ở Việt Nam, tìm hiểu về sự ra đời, giáo lí cơ bản của Islam. Sự du nhập Islam vào cộng đồng người Chăm ở Việt Nam.
10. Đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước về tôn giáo

20. Tâm lý học xã hội

- Mã học phần: PSY 2023
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Tâm lý học đại cương (PSY 1050)
- Nội dung học phần: Tâm lý học xã hội cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các hiện tượng tâm lý của số đông người, như: hiện tượng liên hệ xã hội, tri giác xã hội, ảnh hưởng xã hội, khuôn mẫu, định kiến xã hội, hành vi xã hội thường xảy ra trong xã hội và các hiện tượng tâm lý thường xảy ra trong nhóm nhỏ, như sự hình thành các mối quan hệ trong nhóm nhỏ, chuẩn mực, cố kết nhóm, xung đột, lãnh đạo nhóm. Người học cũng được trang bị những kiến thức, kỹ năng về các phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học xã hội.

21. Gia đình học

- Mã học phần: SOW 2003
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết: không có
- Nội dung học phần: Học phần gia đình học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đối tượng học phần, các khải niệm cơ bản, lịch sử về gia đình, quá trình phát triển và biến đổi của gia đình, quan hệ với các thiết chế khác, các loại gia đình và quan

hệ trong nội bộ gia đình.Học phần này cũng giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách tiếp cận và những phương pháp của việc nghiên cứu gia đình.

22. Sử dụng phần mềm xử lý dữ liệu SPSS
- Mã học phần: SOC 1100
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết: không có
- Nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên làm quen với một phần mềm xử lý dữ liệu định lượng chuyên dụng phổ biến nhất hiện nay. Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng xử lý dữ liệu bằng phần mềm SPSS ở bậc cơ sở, tạo cho sinh viên một cách nhìn tổng quát về các phương pháp phân tích nhị biến. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng mô tả dữ liệu, kiểm định giả thiết về mối quan hệ giữa các biến của tổng thể, kiểm định sự khác biệt giữa các trung bình của tổng thể. Học phần trang bị cho sinh viên cách thức phân tích dữ liệu để viết báo cáo nghiên cứu khoa học hoặc báo cáo khảo sát xã hội học.

23. Lịch sử Việt Nam đại cương
- Mã học phần: HIS 1100
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: không có
- Nội dung học phần: Đây là học phần cơ sở của nhiều ngành học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến ngày nay. Bao trùm toàn bộ tiến trình lịch sử Việt Nam là những nội dung lớn như: sự thay thế, phát triển kế tiếp giữa các triều đại, các thời đại lịch sử; quá trình ra đời và hoàn thiện của hệ thống nhà nước và pháp luật; những thành tựu phát triển về kinh tế, văn hoá, xã hội; lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc và những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ… Các vấn đề trên sẽ được trình bày theo lịch đại (trình tự thời gian), đồng thời, ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn lịch sử, các vấn đề sẽ được phân tích, đánh giá một cách khách quan và khoa học.

24. Dân số học đại cương
- Mã học phần: SOW 1101
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: không có
- Nội dung học phần: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về dân số học bao gồm đối tượng và phương pháp nghiên cứu dân số, các tỷ suất gia tăng dân số, tình hình gia tăng dân số trên thế giới và Việt Nam, các học thuyết dân số, cơ cấu dân số. Học phần giúp cho sinh viên hiểu và biết cách tính toán các công thức tính mức sinh, mức chết, và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh và mức chết. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu quá trình di dân và đô thị hoá ở Việt Nam, các phương pháp dự báo dân số và chính sách dân số ở một số nước và Việt Nam

25. Tâm lí học giao tiếp
- Mã học phần: PSY 1100
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết: Tâm lý học đại cương (PSY1050)
- Nội dung học phần: Môn học Tâm lý học giao tiếp cung cấp cho người học các tri thức thức lý luận và thực tiễn về giao tiếp: hành vi giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp cơ bản trong môi trường xã hội, kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp. Bên cạnh các tri thức lý huận, môn học Tâm lý học Giao tiếp còn cung cấp cho sinh viên những kỹ năng trong giao tiếp thông qua các bài tập thực hành, luyện tập. Thông qua các tri

thức và các kỹ năng về giao tiếp do môn học này cung cấp, sinh viên được trang bị cho mình những phương pháp lý luận cũng như tăng cường khả năng giao tiếp hiệu quả trong công việc nói riêng và cuộc sống nói chung - đây chính là chìa khóa của thành công cho mỗi người.

26. Tâm lí học phát triển

- Mã học phần: PSY 2008
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Tâm lý học đại cương (PSY 1050)
- Nội dung học phần: Môn học giới thiệu những nội dung cơ bản về sự phát triển tâm lý của con người; cách thiết kế và các phương pháp nghiên cứu sự phát triển tâm lý người. Sinh viên có cơ hội tìm hiểu các lý thuyết cơ bản về nguồn gốc, động lực của phát triển tâm lý người; bản chất và cơ chế của sự phát triển tâm lý người; những kiến thức về quy luật, điều kiện và đặc điểm sự phát triển tâm lý của con người, với tư cách là thành viên của xã hội, qua các giai đoạn lứa tuổi từ trong bào thai, sinh ra, lớn lên, trưởng thành và già đi. Ngoài những kiến thức nêu trên, người học được tiếp cận với những quan điểm khoa học về những nhiệm vụ phát triển tâm lý trong từng giai đoạn cuộc đời để trở nên hữu ích và hạnh phúc hơn, giúp mỗi người phát triển tốt hơn những tiềm năng của bản thân mình.

27. Hành vi con người và môi trường xã hội

- Mã học phần: SOW 2004
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương (SOW1100)
- Nội dung học phần: Học phần Hành vi con người và môi trường xã hội gồm có 3 chương : chương 1 : Cung cấp những kiến thức cơ bản về HVCN và MTXH (các khái niệm hành vi, hành vi xã hội của con người, hành vi lệch chuẩn và môi trường, môi trường xã hội và ảnh hưởng của nó đến hành vi con người). Đồng thời chương 1 đề cập đến một số khái niệm liên quan như : hệ thống, sinh thái, sơ đồ sinh thái, cùng các mối quan hệ, tương tác của nó với hành vi con người. Chương 2 : Các lý thuyết nghiên cứu HVCN từ cuối thế kỷ 19 đến thế kỷ 20 làm nền tảng cơ sở lý luận cho sinh viên trong quá trình phân tích, giải thích các mối quan hệ giữa HVCN và MTXH khi phải giải quyết những vấn đề trong thực tiễn. Mối quan hệ đặc biệt giữa các giai đoạn lứa tuổi với môi trường xã hội. Đề cập đến văn hóa gia đình và các ảnh hưởng của nó đến hành vi con người. Chương 3 : Vai trò, nhiệm của nhân viên CTXH trong việc giúp đỡ các đối tượng xã hội dễ bị tổn thương.. Nội dung học phần luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm đạo đức góp phần giúp người học hình thành đạo đức nghề nghiệp.

28. Phát triển cộng đồng

- Mã học phần: SOW 1102
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: không có
- Nội dung học phần: Học phần này gồm bốn nhóm nội dung cơ bản. Nhóm nội dung thứ nhất liên quan đến cơ sở lí luận và nguyên tắc của phát triển cộng đồng. Nhóm nội dung thứ hai đề cập đến các phương pháp thu thập và xử lí thông tin nhằm xây dựng kế hoạch can thiệp cộng đồng. Nhóm nội dung thứ ba liên quan đến việc học hành các bước cụ thể để xây dựng và thực hiện một kế hoạch phát triển cộng đồng. Nhóm nội dung cuối cùng liên quan đến việc sinh viên trình bày kết quả nghiên cứu can thiệp của bản thân trước lớp, trao đổi và thống nhất với giảng viên.

29. Tâm lí học sức khỏe

- Mã học phần: PSY1151

- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết: Tâm lý học đại cương (PSY 1050)
- Nội dung học phần: Môn học cung cấp cho người học hệ thống khái niệm của Tâm lý học sức khoẻ: sức khoẻ thể chất, sức khoẻ tinh thần và sức khoẻ xã hội; các tiêu chí để phân loại chúng; vấn đề sức khoẻ và đặc điểm nhân cách, sức khoẻ và lối sống; sức khoẻ của con người và các giai đoạn phát triển tâm lý và chăm sóc, dự phòng đối với các "đại dịch" hiện nay như HIV/AIDS, nghiện; hoạt động trợ giúp sức khoẻ tinh thần ở các giai đoạn phát triển tâm lý của con người. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho người học kỹ năng sử dụng một số công cụ chẩn đoán, đánh giá sức khoẻ của con người.

30. Chính sách xã hội
- Mã học phần: SOC3024
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết: Xã hội học Đại cương (SOC 1050)
- Nội dung học phần: Học phần được cấu trúc thành 3 chương. Chương thứ nhất bàn về khái niệm vấn đề xã hội, chính sách xã hội; chức năng, yêu cầu, quy trình chính sách xã hội; các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách xã hội và cơ cấu hệ thống chính sách xã hội ở Việt Nam. Chương 2 tập trung vào hai nội dung lớn: hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách xã hội. Chương 3 thảo luận mười một chính sách xã hội quan trọng của Việt Nam hiện nay. Như vậy, kết cấu của học phần dựa trên lô gích: gắn lý thuyết với thực tiễn, kết nối chính sách xã hội với sự vận động của thực tế đời sống xã hội.

- Mã học phần: SOC 3006
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Xã hội học Đại cương (SOC 1050)
- Nội dung học phần: Học phần gồm hai phần kiến thức có liên quan đến nhau nhưng không phải là một. Trong phần thứ nhất sinh viên sẽ được giới thiệu về các mô hình của truyền thông và truyền thông đại chúng, các chức năng của nó, các hương nghiên cứu trong xã hội học về truyền thông đại chúng. Trong mô đun thứ hai sinh viên sẽ được làm quen với những lý thuyết về dư luận xã hội, vấn đề bản chất, chức năng và môi quan hệ của truyền thông và dư luận cũng như quá trình hình thành và biến đổi của dư luận. Học phần cũng giới thiệu với sinh viên những phương pháp cũng như các tổ chức nghiên cứu về các phương pháp và các tổ chức nghiên cứu về TTĐC và DLXH

32. Công tác xã hội với người nghèo
- Mã học phần: SOC 3006
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Xã hội học Đại cương (SOC 1050)
- Nội dung học phần: Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nghèo đói - xoá đói giảm nghèo và công tác xã hội với người nghèo: lý luận chung về nghèo đói và xoá đói giảm nghèo, phạm vi công tác xã hội với người nghèo.

Các kiến thức của học phần mở ra khả năng bổ sung lý thuyết và phương pháp công tác xã hội với cá nhân, nhóm và cộng đồng. Học phần gắn kết giữa ý tưởng với thực tiễn tạo ra cho người học có điều kiện, ý thức và trách nhiệm với người nghèo, với cộng đồng - quốc gia - dân tộc hướng tới mục tiêu dân giàu nước mạnh xã hội công bằng - dân chủ.

33.Lý thuyết Công tác xã hội
- Mã học phần: SOW3032
- Số tín chỉ: 3

- Học phần tiên quyết: (SOW 1100) Nhập môn công tác xã hội

- Nội dung học phần: Học phần này giúp cho sinh viên được tiếp cận những lý thuyết khác nhau của chuyên ngành công tác xã hội, tập trung là lý thuyết động lực tâm lý, lý thuyết định hướng xã hội, lý thuyết định hướng tổng hợp, lý thuyết sinh thái học trong công tác xã hội, lý thuyết và mô hình nhân văn trong công tác xã hội và một số lý thuyết cận với công tác xã hội như lý thuyết của xã hội học, tâm lý học.

34. Thực hành nghiên cứu xã hội

- Mã học phần: SOW2056
- Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: (SOW 1100) Nhập môn công tác xã hội
- Nội dung học phần: Học phần được kết cấu thành bốn chương. Chương thứ nhất đề cập đến những vấn đề chung trong nghiên cứu xã hội. Chương thứ hai tập trung vào việc xây dựng đề tài nghiên cứu xã hội. Chương thứ ba bàn về các phương pháp thu thập thông tin quan trọng trong nghiên cứu xã hội. Chương cuối cùng tập trung vào việc xử lý dữ liệu định tính và định lượng. Chương này cũng bàn đến việc trình bày kết quả nghiên cứu. Như vậy, lô gich của học phần đi từ những vấn đề chung của nghiên cứu xã hội đến việc xây dựng đề tài nghiên cứu, thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, và trình bày kết quả nghiên cứu của đề tài.

35. Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội

- Mã học phần: SOW3033
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: (SOW 1100) Nhập môn công tác xã hội
- Nội dung học phần: Học phần hướng tới việc cung cấp những kiến thức cơ bản về các bước tổ chức thực hiện một nghiên cứu công tác xã hội, từ khâu phát hiện, nắm bắt và lựa chọn vấn đề nghiên cứu; cách thiết kế một cuộc nghiên cứu công tác xã hội theo hướng nghiên cứu hoặc thực hành; xác định mục tiêu nghiên cứu, xác định liên kết và triển khai các biến số, xây dựng bộ công cụ cho thu thập thông tin; kỹ năng sử dụng và lựa chọn các phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính cho phù hợp với từng trường hợp nghiên cứu cụ thể; khả năng tạo dựng các thang đo để đo lường các hiện tượng của xã hội và cách thức xử lý, phân tích, tổng hợp và khái quát thông tin trong một đề tài nghiên cứu cụ thể.

36.Công tác xã hội với cá nhân

- Mã học phần: SOW3033
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương (SOW1100), Lý thuyết công tác xã hội (SOW3032),Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội (SOW3033)
- Nội dung học phần: Nội dung môn học gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển công tác xã hội cá nhân trên Thế giới và Việt nam, những yếu tố căn bản trong CTXH cá nhân, các công cụ, kỹ thuật trong can thiệp giúp đỡ đối tượng và tiến trình của nó nhằm giúp người học vận dụng trong nghiên cứu và thực hành nghề. Môn học cũng giới thiệu các kiến thức chung về con người thông qua một số lý thuyết có liên quan, các khái niệm cơ bản, những vấn đề mà đối tượng- những cá nhân trong xã hội thường mắc phải, từ đó gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy và hướng giải quyết cho họ. Đây cũng là môn học mà nội dung, kiến thức vẫn mang tính chất mở.

37. Công tác xã hội với nhóm

- Mã học phần: SOW3035
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: CTXH đại cương (SOW 1100)
- Nội dung học phần: Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về khái niệm nhóm trong công tác xã hội, công tác xã hội nhóm. Phân biệt sự khác nhau giữa

công tác xã hội nhóm với tâm lí nhóm. Mục đích, nội dung phương pháp công tác xã hội với nhóm, bước đầu vận dụng kiến thức và kỹ năng về năng động nhóm, vai trò nhân viên CTXH tác động vào tiến trình nhóm. Tiến trình Công tác xã hội nhóm được trình bày cụ thể theo từng bước công việc tạo điều kiện sinh viên phát huy năng lực trong tiếp cận, thực hành và phân tích ứng dụng vào những ca cụ thể. Nội dung môn học luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm đạo đức góp phần giúp người học hình thành đạo đức nghề nghiệp.

38. Tham vấn trong công tấc xã hội

- Mã học phần: SOW3036
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương - SOW1100, Lý thuyết công tác xã hội - SOW3032, Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội -SOW3033
- Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận và thực tiễn cơ bản nhất về công tác tham vấn trong CTXH , như: bản chất của tham vấn, các nguyên tắc đạo đức trong thực hành tham vấn; nan đề của thân chủ là đối tượng của CTXH và mối quan hệ giữa nhân viên CTXH với tư cách là nhà tham vấn với thân chủ với tư cách là đối tượng của CTXH; các kỹ năng tham vấn cơ bản và các bước của một tiến trình tham vấn trong CTXH. Nội dung học phần luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm đạo đức nghề, góp phần giúp người học hình thành đạo đức nghề nghiệp CTXH.

39. Thực hành công tác xã hội cá nhân

- Mã học phần: SOW3050
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương (SOW1100), Lý thuyết công tác xã hội (SOW3032),Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội (SOW3033), Công tác xã hội cá nhân (SOW3034).
- Nội dung học phần: Sinh viên thực hành về phương pháp Công tác xã hội cá nhân tại một số cơ sở hoạt động Công tác xã hội, các trung tâm bảo trợ, cơ sở xã hội khác. Trong trường hợp cơ sở không có cán bộ Công tác xã hội chuyên nghiệp thì nhà trường phải gửi cán bộ xã hội tới đó để hướng dẫn sinh viên. Tại đây người học được trực tiếp vận dụng các kiến thức đã học vào việc phát hiện và giải quyết các vấn đề của từng cá nhân. Người học tham gia trực tiếp vào hoạt động Công tác xã hội với cá nhân thuộc nhóm yếu thế. Với sự giúp đỡ của cán bộ Công tác xã hội, người học được bồi dưỡng những tình cảm, ý thức trách nhiệm với xã hội.

40. Thực hành công tác xã hội nhóm và cộng đồng

- Mã học phần: SOW3051
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương - SOW1100, Lý thuyết công tác xã hội - SOW3032, Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội -SOW3033,
- Nội dung học phần: Sinh viên thực hành về phương pháp công tác xã hội nhóm và phát triển cộng đồng tại một số cơ sở hoạt động công tác xã hội, các trung tâm bảo trợ, cơ sở xã hội và tại cộng đồng. Trong trường hợp cơ sở không có cán bộ công tác xã hội chuyên nghiệp thì nhà trường gửi cán bộ xã hội tới đó để hướng dẫn sinh viên. Tại đây người học được trực tiếp vận dụng các kiến thức đã học vào việc phát hiện và giải quyết các vấn đề của nhóm và cộng đồng. Người học tham gia trực tiếp vào hoạt động công tác xã hội với thân chủ theo cách tiếp cận nhóm và cộng đồng. Với sự giúp đỡ của cán bộ công tác xã hội, người học được vận dụng phương pháp và kỹ năng nghề nghiệp để làm việc với một nhóm nhằm giải quyết các vấn đề

của nhóm, phát huy được năng lực của nhóm, bồi dưỡng cho người học những tình cảm, ý thức trách nhiệm với xã hội.

41. An sinh xã hội

- Mã học phần: SOW3052 -
- Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương - SOW1100
- Nội dung học phần: Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản và lịch sử hình thành và phát triển ASXH và những vấn đề xã hội thế giới và Việt nam, từ đó hình thành bộ máy an sinh xã hội nhằm không chỉ giải quyết mà còn phòng ngừa và giảm thiểu tác hại của các vấn đề xã hội bằng các hoạt động phát triển xã hội. Học phần này cũng giúp sinh viên phân tích, tìm giải pháp cho các vấn đề xã hội hiện nay, phân tích những mặt mạnh và hạn chế của các thiết chế xã hội Việt nam để giải quyết những vấn đề này. Đây cũng là học phần mà những nội dung kiến thức vẫn mang tính chất mở để người dạy và người học tiếp tục nghiên cứu, phát hiện, bổ sung để hoàn thiện hơn về nhận thức, kỹ năng nghề nghiệp CTXH. Nội dung học phần luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng nâng cao trách nhiệm của con người với con người, với dân tộc, tham gia vào sự nghiệp chống áp bức, giảm đói nghèo vì sự tiến bộ và công bằng xã hội.

42. Quản trị ngành công tác xã hội

- Mã học phần: SOW3046
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương - SOW1100, Lý thuyết công tác xã hội - SOW3032, Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội -SOW3033
- Nội dung học phần: Nội dung học phần bao gồm trước hết cung cấp một số khái niệm có liên quan đến học phần như quản trị ngành CTXH, nhà quản trị CTXH…và đưa ra những cách thức thực hiện trong quản trị CTXH như tiến trình hoạch định, ra quyết định, cách quản lý đường biên, cách quản lý ngân quỹ, cách giám sát, kiểm soát và đánh giá chất lượng. Sau mỗi bài học sinh viên được dành thời gian để làm bài tập, thảo luận theo nhóm về vấn đề vừa học xong, sinh viên áp dụng những kiến thức vừa học vào những trường hợp giáo viên đưa ra. Ngoài ra học phần cũng giới thiệu các kiến thức chung về các phương pháp nghiên cứu, các kỹ năng thực hành của nhân viên Công tác xã hội nhằm thực hiện các chức năng xã hội hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội. Đây cũng là học phần mà những nội dung kiến thức vẫn mang tính chất mở kể cả cho người dạy và học tiếp tục nghiên cứu, phát hiện, bổ sung để ngày càng hoàn thiện về nhận thức cũng như kỹ năng nghề nghiệp CTXH. Nội dung học phần luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của con người với con người, với giai cấp, với dân tộc, sẵn sàng tham gia có hiệu quả vào sự nghiệp chống áp bức, giảm đói nghèo, vì sự tiến bộ và công bằng xã hội.

43. Quản lí ca

- Mã học phần: SOW3049
- Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương - SOW1100, Lý thuyết công tác xã hội - SOW3032, Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội -SOW3033
- Nội dung học phần: Học phần *Quản lý ca (Quản lý trường hợp)* cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản trong quản lý trường hợp cho nhân viên quản lý trường hợp tại các địa phương làm việc trong lĩnh vực CTXH tại cộng đồng. Những nguyên lý chung trong quản lý trường hợp được giới thiệu mang tính khái quát trong tập tài liệu. Đồng thời cung cấp cho người học quy trình và kỹ năng trong quản lý trường hợp với đối tượng của CTXH.

Chương I: Những vấn đề chung về Quản lý ca (trường hợp)
Chương II: Một số kỹ năng trong quản lý ca (trường hợp)
Chương III: Tiến trình quản lý ca (trường hợp)
Phần Phụ lục: Bao gồm một số mẫu bảng biểu cơ bản mà nhân viên quản lý trường hợp cần sử dụng trong quá trình trợ giúp thân chủ.

Nội dung học phần luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm đạo đức nghề, góp phần giúp người học hình thành đạo đức nghề nghiệp CTXH.

44. Công tác xã hội với người khuyết tật

- Mã học phần: SOW3041
- Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương - SOW1100
- Nội dung học phần: Học phần này giúp cho người học nắm được những vấn đề cơ bản trong công tác xã hội với người khuyết tật, hiểu rõ một số khái niệm cơ bản về khuyết tật và CTXH với người khuyết tật , các quan điểm, mô hình tiếp cận khuyết tật chính từ quan điểm cá nhân và xã hội. Người học có thể biết rõ về luật pháp, các chính sách và mô hình dịch vụ trợ giúp người khuyết tật hiện nay. Những trải nghiệm về sự kỳ thị và phân biệt đối xử đối với người khuyết tật, cũng như khả năng tiếp cận của người khuyết tật đến các dịch vụ xã hội khác nhau, cũng là những nội dung chính của học phần này. Tác động của khuyết tật đến cá nhân người khuyết tật và các mối quah hệ xã hội và gia đình cũng được giới thiệu với mục đích để người học hiểu rõ được những khó khăn, cản trở đối với người Kt từ tình trạng KT của họ. Nội dung Quản lý trường hợp đối với người khuyết tật tại cộng đồng (Quản lý ca) là nội dung mang tính ứng dụng cao đối với nhân viên công tác xã hội trong lĩnh vực CTXH đối với NKT tại cộng đồng.

45.Chăm sóc sức khỏe tâm thần

- Mã học phần: SOW3053
-Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương - SOW1100, Lý thuyết công tác xã hội - SOW3032, Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội -SOW3033
- Nội dung học phần Học phần *Chăm sóc sứ khỏe tâm thần* cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản cho nhân viên CTXH trong chăm sóc sức khỏe hợp tại các trung tâm bảo trợ xã hội, bệnh viện tâm thần và tại các cán bộ xã hội ở địa phương làm việc trong lĩnh vực CTXH tại cộng đồng. Những nguyên lý chung trong chăm sóc sức khỏe tâm tâm thần được giới thiệu mang tính khái quát trong tập tài liệu. Đồng thời cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các bệnh tâm thần thường gặp trong đời sống xã hội, cũng như cách nhận biết, chẩn đoán bệnh và nguyên nhân cảu bệnh, cách điều trị và can thiệp trợ giúp người bệnh trong chăm sóc điều dưỡng và phục hồi chức năng cho người bệnh. Nội dung học phần luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm đạo đức nghề, góp phần giúp người học hình thành đạo đức nghề nghiệp CTXH.

46. Công tác xã hội với trẻ em

- Mã học phần: SOW3043
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương (SOW1100), Lý thuyết công tác xã hội (SOW3032),Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội (SOW3033)
- Nội dung học phần: Nội dung môn học gồm những kiến thức cơ bản về trẻ em, những nhu cầu của chúng, đặc biệt những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Ngoài ra môn học còn đề cập những vấn đề thường xảy ra đối với trẻ em trong gia đình và ngoài xã hội, các nguồn lực trong việc đáp ứng nhu cầu cho trẻ, những nguyên tắc đạo đức khi làm việc với trẻ, những lý thuyết có liên quan, các khái niệm cơ bản, những chính sách pháp luật dành cho trẻ em và nhất là qui trình quản lý trường hợp trong bảo vệ trẻ. Đây cũng là môn học mà nội dung, kiến thức vẫn mang tính chất mở.

47. Công tác xã hội trong trường học

- Mã học phần: SOW3022
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Trong khóa học này, học viên sẽ được tìm hiểu sâu hơn về các kiến thức, kỹ năng, giá trị, và phương pháp can thiệp ứng dụng cho CTXH trong trường học. Khóa học cũng sẽ phân tích môi trường học đường: cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành, môi trường pháp lý và chính sách quy định/hỗ trợ sự vận hành của trường học. Khóa học cũng giúp học viên hiểu sâu hơn các lý thuyết về sự phát triển của con người và các kỹ năng có tính ứng dụng cao trong thực hành CTXH tại trường học. Học viên cũng sẽ được tiếp cận những vấn đề nổi bật trong trường học Việt Nam hiện nay như bạo lực học đường, trốn học và bỏ học, QHTD sớm và nạo phá thai vị thành niên, phân biệt đối xử,...., và tìm hiểu một

48. Công tác xã hội trong bệnh viện

- Mã học phần: SOW3047
-Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương - SOW1100, Lý thuyết công tác xã hội - SOW3032, Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội -SOW3033.
- Nội dung học phần: Học phần Công tác xã hội trong bệnh viện sẽ tập trung cung cấp, trang bị kiến thức thực hành Công tác xã hội trong lĩnh vực y tế nói chung và trong bệnh viện nói riêng. Học phần này giúp người học nắm rõ những nội dung kiến thức như sau: Kiến thức khái quát về lĩnh vực Công tác xã hội y tế, hệ thống y tế Việt Nam hiện nay; các hoạt động thực hành cơ bản của nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện; vai trò thực hành của nhân viên công tác xã hội tại một số bộ phận chức năng (khoa/phòng) trong bệnh viện; đặc biệt, người học được trang bị kiến thức và trải nghiệm thực hành công tác xã hội với một số nhóm bệnh nhân cụ thể (bệnh nhân ung thư, bệnh nhân tâm thần, bệnh nhân bỏng, tim mạch, sản phụ khoa, bệnh lây nhiễm…); ngoài ra, học phần cung hướng đến trang bị kiến thức liên quan đến công tác xã hội với người chăm sóc bệnh nhân; một số mô hình can thiệp tiêu biểu như: mô hình chăm sóc giảm nhẹ và chăm sóc cuối đời cho bệnh nhân và gia đình.

49. Công tác xã hội với người cao tuổi

- Mã học phần: SOW3019
- Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương - SOW1100
- Nội dung học phần: Học phần giới thiệu cho học viên những khái niệm chung vè người cao tuổi, kiến thức cơ bản về quá trình lão hóa, những thay đổi về thể chất và tinh thần ở người cao tuổi, những yếu tố môi trường, xã hội có ảnh hưởng đến sức khỏe người cao tuổi, các vấn đề về sức khỏe thường gặp ở người cao tuổi. Sinh viên

cũng được cung cấp những kỹ năng làm việc với người cao tuổi cũng như những chính sách chủ yếu được áp dụng cho người cao tuổi hiện nay. Những mô hình chăm sóc người cao tuổi tại Việt Nam và thế giới. Đây cũng là học phần mà những nội dung kiến thức vẫn mang tính chất mở để người dạy và người học tiếp tục nghiên cứu, phát hiện, bổ sung để hoàn thiện hơn về nhận thức, kỹ năng nghề nghiệp CTXH với người cao tuổi. Nội dung học phần luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng nâng cao trách nhiệm của con người với con người, với dân tộc, tham gia vào sự nghiệp chống áp bức, giảm đói nghèo vì sự tiến bộ và công bằng xã hội.

50. Công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn

- Mã học phần: SOW3020
- Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương - SOW1100, Lý thuyết công tác xã hội - SOW3032, Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội -SOW3033.
- Nội dung học phần: Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về lệch chuẩn, các HVLC những biểu hiện cụ thể của các hành vi lệch chuẩn trong đời sống của cá nhân , nhóm và cộng đồng. Một số phương pháp nghiên cứu và kỹ năng thực hành cơ bản của CTXH tiếp tục được giới thiệu nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp với nhóm đối tượng có HVLC. Nội dung môn học luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của con người với đồng loại, tích cực ngăn ngừa những HVLC, hướng đến một xã hội tốt đẹp.

51. Đạo đức nghề nghiệp

- Mã học phần: SOW3042
- Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương - SOW1100
- Nội dung học phần: Giảng dạy và truyền thụ cho sinh viên giá trị cốt lõi làm nền tảng cho nhiệm vụ của nghề CTXH, những nguyên tắc đạo đức bao quát phản ánh giá trị cơ bản của nghề CTXH, cụ thể là đạo đức nghề CTXH, bao gồm trách nhiệm đạo đức của người làm CTXH đối với khách hàng, đối với đồng nghiệp, trách nhiệm đạo đức ở nơi làm việc; trách nhiệm đạo đức với tư cách là những nhà chuyên nghiệp; trách nhiệm đạo đức của người làm CTXH đối với nghề CTXH và đối với xã hội.Những nguyên tắc này xoay quanh tập hợp giá trị căn bản của nghề CTXH: dịch vụ, công bằng xã hội, nhân phẩm và giá trị của con người, tầm quan trọng của các mối quan hệ giữa các cá nhân, tính cách trong sáng và trọn vẹn, khả năng chuyên môn.Ngoài ra, học phần giúp những người học nghề CTXH hiểu được nhiệm vụ, giá trị, nguyên tắc đạo đức và tiêu chuẩn đạo đức của CTXH, từ đó giúp họ thực hành nghề nghiệp tuân theo quy tắc đạo đức, cũng như xác định những cân nhắc quan trọng khi xảy ra mâu thuẫn trong trách nhiệm chuyên môn hoặc trong những tình trạng mơ hồ về đạo đức

52. Công tác xã hội với nhóm ma túy, mại dâm và HIV

- Mã học phần: SOW3040
- Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương - SOW1100, Lý thuyết công tác xã hội - SOW3032, Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội -SOW3033.
- Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận và thực tiễn cơ bản nhất cũng như các kỹ năng thực hành đối với đối tượng người nghiện ma túy, mại dâm và nhiễm HIV/AIDS nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp CTXH. Đồng thời học phần cũng cung cấp các kiến thức và các phương pháp can thiệp, nghiên cứu nhằm trợ giúp những người nghiện ma túy, mại dâm và nhiễm HIV/AIDS giải quyết các nan đề của cá nhân và các vấn đề xã hội nhằm giúp họ hòa nhập xã hội. Nội dung

học phần luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm đạo đức nghề, góp phần giúp người học hình thành đạo đức nghề nghiệp CTXH.

53. Công tác xã hội trong lĩnh vực Bình đẳng giới và Phòng chống bạo lực gia đình

- Mã học phần: SOW3048
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương - SOW1100, Lý thuyết công tác xã hội - SOW3032, Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội -SOW3033.
- Nội dung học phần: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về CTXH với bình đẳng giới , phòng chống bạo lực gia đình bao gồm Nhiệm vụ; chức năng; các khái niệm cơ bản; các văn bản pháp luật có liên quan; một số yêu cầu và lý thuyết ứng dụng; các phương pháp CTXH trong PCBLGĐ; Các kỹ thuật CTXH ứng dụng và các mô hình can thiệp, tư vấn trong PCBLGĐ. Học phần giúp cho sinh viên hiểu và biết cách phân tích, xử lý các tình huống liên quan đến BĐG và BLGĐ, nắm bắt được những phương pháp, kỹ thuật, các mô hình can thiệp cũng như hệ thống văn bản pháp luật hỗ trợ cho PCBLGĐ. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu những yêu cầu và các lý thuyết cơ bản ứng dụng trong PCBLGĐ.

54. Thiết kế nghiên cứu trong công tác xã hội

- Mã học phần: SOW4055
-Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: CTXH đại cương (SOW 1100)

Phương pháp nghiên cứu CTXH (SOW3033)

- Nội dung học phần: Học phần hệ thống lại một số kiến thức cơ bản của môn phương pháp nghiên cứu CTXH. Sau đó, môn học sẽ đi sâu vào việc giới thiệu, hướng dẫn người học từ khâu thiết kế một đề cương nghiên cứu đến việc tổ chức thực hiện một nghiên cứu CTXH dựa trên hai loại thiết kế nghiên cứu trong CTXH là thiết kế nghiên cứu đơn và thiết kế nghiên cứu nhóm. Ngoài việc giới thiệu về lý thuyết, người học sẽ được thực hành kỹ năng thiết kế nghiên cứu với những chủ đề nghiên cứu của CTXH và có cơ hội thực hành kỹ năng trình bày nghiên cứu dưới dạng viết và thuyết trình.

55. Thiết kế can thiệp trong Công tác xã hội

- Mã học phần: SOW4058
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Lí thuyết công tác xã hội (SOW3032), Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội (SOW3033), Thực hành nghiên cứu xã hội (SOW?), Công tác xã hội cá nhân (SOW3034), Công tác xã hội nhóm (SOW3035), Phát triển cộng đồng (SOW1102)
- Nội dung học phần: Học phần bao gồm hai nhóm nội dung lồng ghép vào nhau từ đầu đến. Nhóm nội dung thứ nhất liên quan đến kiến thức lí thuyết về nghiên cứu can thiệp và về các bước để thiết kế một kế hoạch can thiệp ở các cấp độ khác nhau (cá nhân, nhóm, cộng đồng và chính sách). Nhóm nội dung thứ hai liên quan đến hoạt động thực hành của sinh viên tại cộng đồng sau giờ học và báo cáo kết quả thực hành tại lớp.